



Mã nhận dạng 00666

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118007	Nguyễn Văn Quốc Bảo	DH18CK			3.0	7.0	15	2.9	0012345678910	0123456789
2	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			4.0	7.0	3.0	4.0	0012345678910	0123456789
3	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD			4.0	7.0	3.0	4.0	0012345678910	0123456789
4	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK			2.5	7.0	1.5	2.8	0012345678910	0123456789
5	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK			7.0	6.0	4.5	5.3	0012345678910	0123456789
6	18118016	Đặng Hữu Danh	DH18CK							0012345678910	0123456789
7	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK			4.0	6.0	1.5	2.9	0012345678910	0123456789
8	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK			2.0	8.0	1.0	2.6	0012345678910	0123456789
9	18118023	Nguyễn Tấn Diên	DH18CK			7.0	8.0	6.0	6.6	0012345678910	0123456789
10	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK			7.5	5.0	6.0	6.1	0012345678910	0123456789
11	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK			4.0	6.0	6.0	5.6	0012345678910	0123456789
12	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			10.0	8.0	8.0	8.4	0012345678910	0123456789
13	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK			5.5	7.0	2.5	4.0	0012345678910	0123456789
14	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			3.5	6.0	5.5	5.2	0012345678910	0123456789
15	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			7.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
16	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK			9.0	7.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00666

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện tử(207110)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 20/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD303 60%

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC	Huy		9.0	9.0	5.5	6.9	0012345678910	0123456789
18	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK	Huy		10.0	6.0	7.0	7.4	0012345678910	0123456789
19	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK	Huy		9.0	6.0	6.5	6.9	0012345678910	0123456789
20	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK	Huy		3.0	7.0	2.0	3.2	0012345678910	0123456789
21	18118051	Bùi Huynh	DH18CK	Huynh		5.0	6.0	6.0	5.8	0012345678910	0123456789
22	18118062	Đặng Minh Khôi	DH18CK	Khôi		5.0	0.0	0.5	1.3	0012345678910	0123456789
23	18118064	Kiều Minh Trí Kiệt	DH18CK	Ki		10.0	6.0	0.5	3.5	0012345678910	0123456789
24	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK	Long		6.0	7.0	5.5	5.9	0012345678910	0123456789
25	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK	Long		5.0	6.5	1.0	2.9	0012345678910	0123456789
26	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK	Long		6.0	8.0	4.0	5.2	0012345678910	0123456789
27	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK	Long		3.0	7.0	4.5	4.7	0012345678910	0123456789
28	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK	Luc		6.0	6.0	2.0	3.6	0012345678910	0123456789
29	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK	Mạnh		4.0	7.0	1.5	3.1	0012345678910	0123456789
30	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK	Minh		3.0	9.0	2.0	3.6	0012345678910	0123456789
31	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK	Minh		6.0	6.0	0.5	2.7	0012345678910	0123456789
32	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL	Nam		7.0	9.0	4.0	5.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00666

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD303**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK	<i>Phi</i>		4.0	6.5	0.5	2.4	0012345678910	0123456789
34	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL	<i>Phong</i>		8.0	7.0	2.0	4.2	0012345678910	0123456789
35	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK	<i>Phong</i>		4.0	6.0	7.0	6.2	0012345678910	0123456789
36	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL	<i>Phong</i>		4.0	7.0	1.0	2.8	0012345678910	0123456789
37	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK	<i>Phong</i>		3.0	6.5	2.0	3.1	0012345678910	0123456789
38	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK	<i>Phong</i>		3.0	9.0	4.0	4.8	0012345678910	0123456789
39	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK	<i>Phong</i>		3.5	7.0	5.5	5.4	0012345678910	0123456789
40	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK	<i>Phong</i>		4.0	7.0	5.0	5.2	0012345678910	0123456789
41	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK	<i>Phong</i>		7.0	9.0	4.0	5.6	0012345678910	0123456789
42	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK	<i>Phong</i>		6.5	7.0	7.0	6.9	0012345678910	0123456789
43	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK	<i>Phong</i>		6.5	7.0	8.5	7.8	0012345678910	0123456789
44	18118116	Lê Triệu Quốc	DH18CK							0012345678910	0123456789
45	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK							0012345678910	0123456789
46	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK	<i>Phong</i>		7.0	8.0	1.0	3.6	0012345678910	0123456789
47	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK	<i>Phong</i>		5.0	7.0	3.5	4.5	0012345678910	0123456789
48	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC	<i>Phong</i>		4.0	8.0	8.0	7.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00666

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC			10.0	8.0	6.5	7.5	0012345678910	0123456789
50	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK			8.0	7.0	8.5	8.1	0012345678910	0123456789
51	18118132	Nguyễn Quốc Thắng	DH18CK							0012345678910	0123456789
52	15154053	Son Ngọc Thắng	DH15OT			7.0	7.0	6.5	6.1	0012345678910	0123456789
53	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL			6.0	9.0	2.0	4.2	0012345678910	0123456789
54	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK			4.0	8.0	2.0	3.6	0012345678910	0123456789
55	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			6.0	6.0	4.0	4.8	0012345678910	0123456789
56	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			5.0	7.5	2.5	4.0	0012345678910	0123456789
57	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			6.0	8.0	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
58	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD			7.0	7.0	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
59	18118154	Bùi Thanh Tiên	DH18CK							0012345678910	0123456789
60	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			5.5	6.0	0.5	2.6	0012345678910	0123456789
61	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK			8.0	6.0	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
62	18118159	Nguyễn Lê Minh Trí	DH18CK							0012345678910	0123456789
63	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK			5.5	9.0	6.0	6.5	0012345678910	0123456789
64	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			6.5	7.0	6.5	6.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00666

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD303**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL			6.0	7.0	6.5	6.5	0012345678910	0123456789
66	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK			4.5	6.0	7.0	6.3	0012345678910	0123456789
67	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK			9.0	5.0	3.5	4.9	0012345678910	0123456789
68	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK			3.0	6.0	4.0	4.2	0012345678910	0123456789
69	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK			4.0	6.0	5.5	5.3	0012345678910	0123456789
70	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK			4.0	5.0	2.5	3.3	0012345678910	0123456789
71	18118182	Ngô Văn Viết	DH18CK			4.5	8.0	2.5	4.0	0012345678910	0123456789
72	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK			4.5	6.0	4.0	4.5	0012345678910	0123456789
73	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK			8.0	6.0	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
74	17137079	Nguyễn An Hoàng Vương	DH17NL			4.0	8.0	4.0	4.8	0012345678910	0123456789
75	18137050	Nguyễn Thị Yên	DH18NL			6.0	8.0	8.5	7.9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 07/07/2020

N.V. Xiep

Trương Công Tiến

Lê Quang Hiền

Nguyễn Văn Ngọc



Mã nhận dạng 00667

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện tử(207110)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18NL_02

Tổ Thi 001_DH18NL_02

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 20/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118009	Nguyễn Thái An	DH16CC							0012345678910	0123456789
2	18118003	Châu Vĩ	DH18CC	Anh		6.5	7.0	2.5	4.2	0012345678910	0123456789
3	18154007	Trần Quyền	DH18OT	Anh		7.0	6.0	6.5	6.5	0012345678910	0123456789
4	18138005	Lê Kim	DH18TD	Bao		6.0	7.5	6.0	6.3	0012345678910	0123456789
5	18137002	Nguyễn Công	DH18NL							0012345678910	0123456789
6	18138040	Nguyễn Ngọc	DH18TD	Khải		4.0	7.5	6.5	6.2	0012345678910	0123456789
7	18153006	Trần Hữu	DH18CD	Chi		3.5	8.0	2.0	3.5	0012345678910	0123456789
8	18118013	Nguyễn Đức	DH18CK							0012345678910	0123456789
9	18153011	Vô Thành	DH18CD	Danh		6.5	10.0	2.0	4.5	0012345678910	0123456789
10	14154080	Nguyễn Hoàng	DH14OT	Diễn		4.5	7.0	4.5	5.0	0012345678910	0123456789
11	18118029	Trần Vĩnh	DH18CC	Dụng		3.5	6.0	3.5	4.0	0012345678910	0123456789
12	18118034	Nguyễn Đức	DH18CK	Duy		6.5	7.0	4.0	5.1	0012345678910	0123456789
13	18137011	Nguyễn Thanh	DH18NL	Đạt		6.0	8.0	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
14	16138019	Lê Trương Công	DH16TD	Định		4.0	9.5	6.0	6.3	0012345678910	0123456789
15	18118024	Lê Xuân	DH18CC	Đức		7.0	9.0	9.0	8.6	0012345678910	0123456789
16	18153017	Nguyễn Bảo	DH18CD	Giang		7.0	7.0	6.0	6.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00667

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18NL_02**

Tổ Thi **001_DH18NL_02**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV102**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			6.5	8.0	4.0	5.3	0012345678910	0123456789
18	18153022	Nguyễn Văn Minh	DH18CD							0012345678910	0123456789
19	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK			6.0	8.0	3.5	4.9	0012345678910	0123456789
20	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD			8.0	8.0	1.5	4.1	0012345678910	0123456789
21	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK			4.0	7.0	5.0	5.2	0012345678910	0123456789
22	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			4.0	8.0	2.0	3.6	0012345678910	0123456789
23	18153037	Nguyễn Minh Khôi	DH18CD			10.0	6.0	4.0	5.6	0012345678910	0123456789
24	16154055	Y-Ngưng Knul	DH16OT			7.0	7.0	2.0	4.0	0012345678910	0123456789
25	16118102	Phạm Nhật Minh	DH16CK			3.0	8.0	4.0	2.8	0012345678910	0123456789
26	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL			8.5	7.0	1.5	4.0	0012345678910	0123456789
27	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC			4.0	7.0	6.0	5.8	0012345678910	0123456789
28	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD			6.0	9.0	3.0	4.8	0012345678910	0123456789
29	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK			4.0	6.0	4.0	4.4	0012345678910	0123456789
30	18154085	Lê Quốc Nhân	DH18OT							0012345678910	0123456789
31	18137030	Trần Duy Nhật	DH18NL							0012345678910	0123456789
32	17153053	Đoàn Trần Minh Nhật	DH17CD			6.0	7.7	9.0	8.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00667

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện tử(207110)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18NL_02

Tổ Thi 001_DH18NL_02

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 20/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154092	Chau Số Phát	DH18OT	<i>N</i>		7.0	7.0	6.5	6.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL	<i>phat.</i>		5.0	8.0	2.5	4.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL	<i>phat</i>		6.5	6.0	2.5	4.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD	<i>phuu</i>		9.0	8.0	7.5	7.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	16118123	Nguyễn Tòng Quân	DH16CC	<i>Quân</i>		3.5	5.0	1.0	2.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL	<i>Quy</i>		6.5	8.0	5.0	5.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC	<i>thuan</i>		6.0	7.0	7.0	6.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD	<i>Tan</i>		3.0	9.0	1.0	3.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	18153065	Lương Viết Tây	DH18CD	<i>Tay</i>		4.5	5.0	3.5	4.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK	<i>Thi</i>		6.0	7.0	7.5	7.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC	<i>Thuc</i>		5.0	4.0	2.0	3.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	14154059	Phạm Văn Thức	DH14OT	<i>thuc</i>		5.0	0.0	5.0	4.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	18118153	Nguyễn Trọng Tiến	DH18CK							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK	<i>Tru</i>		3.0	8.0	1.0	2.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC	<i>Trung</i>		8.0	7.0	1.5	4.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD	<i>Tuan</i>		5.0	8.0	7.5	7.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00667

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18NL_02**

Tổ Thi **001_DH18NL_02**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV102**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154131	Nguyễn Tài	Tuệ	DH18OT	Tuệ	2.0	7.0	1.5	2.7	0012345678910	0123456789
50	18118179	Võ Thanh	Tùng	DH18CK	X	7.0	7.0	2.0	4.0	0012345678910	0123456789
51	18118181	Vũ Ngọc	Tuyên	DH18CK	W	5.5	7.0	2.5	4.0	0012345678910	0123456789
52	15118128	Hoàng Trung	Tướng	DH15CC	trương	4.0	7.5	1.0	2.9	0012345678910	0123456789
53	18137049	Lê Kim	Vinh	DH18NL						0012345678910	0123456789
54	14118093	Trần Phước	Vinh	DH15CK	Trần	6.0	8.0	4.5	5.5	0012345678910	0123456789
55	17118141	Nguyễn Trọng Anh	Vũ	DH17CC	Vũ	4.0	5.0	6.5	5.7	0012345678910	0123456789
56	16118178	Phan Hoàng	Vũ	DH16CC	Vũ	7.0	7.0	5.0	5.8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 48 Số sinh viên vắng 18

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngữ Võ Ngọc Thanh

Nguyễn Mạnh Quyền

Trương Công Tiến

Lê Quang Hiền

Ngữ Võ Ngọc Thanh

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00515

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 90 %	Đ2 90 %	Điểm Đ1	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC	<i>[Signature]</i>		8	8	7.0	7.4	0012345678910	0123456789
2	18118191	Trần Hải Đăng	DH18CKC	<i>[Signature]</i>						0012345678910	0123456789
3	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC	<i>[Signature]</i>		8	9	7.0	7.6	0012345678910	0123456789
4	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC	<i>[Signature]</i>		10	9	8.0	8.6	0012345678910	0123456789
5	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC	<i>[Signature]</i>		9	8	8.0	8.2	0012345678910	0123456789
6	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC	<i>[Signature]</i>		8	8	7.0	7.4	0012345678910	0123456789
7	18118205	Trần Duy Khang	DH18CKC	<i>[Signature]</i>						0012345678910	0123456789
8	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC	<i>[Signature]</i>		10	10	9.0	9.4	0012345678910	0123456789
9	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC	<i>[Signature]</i>		8	10	9.5	9.3	0012345678910	0123456789
10	18118209	Phạm Bùi Hải Long	DH18CKC	<i>[Signature]</i>		9	8	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
11	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC	<i>[Signature]</i>		8	8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
12	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC	<i>[Signature]</i>		9	8	7.0	7.6	0012345678910	0123456789
13	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC	<i>[Signature]</i>		9	7	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
14	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC	<i>[Signature]</i>		8	9	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
15	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC	<i>[Signature]</i>		9	8	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
16	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC	<i>[Signature]</i>		8	8	8.0	8.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00515

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 2D %	Đ2 3D %	Điểm bài thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118218	Phạm Văn Tỉnh	DH18CKC			8	8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
18	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC			9	9	9.5	9.3	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Lành

Phạm Duy Lâm

Nguyễn Văn Lành



Mã nhận dạng 00706

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CB_01

Tổ Thi

001_DH18CB_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 07/09/2020

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC			5,0	5,0	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
2	15115009	Nguyễn Khánh Ba	DH15CB	V						0012345678910	0123456789
3	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD			5,0	8,0	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
4	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL			9,0	7,0	2,0	4,4	0012345678910	0123456789
5	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL			5,0	6,0	4,0	2,8	0012345678910	0123456789
6	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL			5,0	5,0	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
7	17118024	Lê Văn Dự	DH17CK	V						0012345678910	0123456789
8	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT			1,0	6,0	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
9	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC			5,0	6,0	2,0	3,4	0012345678910	0123456789
10	15154012	Vũ Công Đạt	DH15GB	V						0012345678910	0123456789
11	17154016	Nguyễn Khoa Điên	DH17OT			5,0	4,0	8,0	6,6	0012345678910	0123456789
12	15154019	Võ Duy Hà	DH15OT			3,0	5,0	2,0	2,8	0012345678910	0123456789
13	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD			4,5	6,0	6,5	6,0	0012345678910	0123456789
14	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD			9,5	7,0	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
15	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL			2,0	7,0	7,0	6,0	0012345678910	0123456789
16	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			5,0	7,0	5,5	5,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00706

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207148)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CB_01**

Tổ Thi **001_DH18CB_01**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

Ngày Thi **07/09/2020**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK			5,0	5,0	3,5	4,1	00123●5678910	0●23456789
18	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC			5,0	8,0	5,5	5,9	001234●678910	012345678●
19	18115061	Đoàn Quốc Luận	DH18CB			4,5	5,0	4,0	2,5	001●345678910	01234●6789
20	17118058	Trần Ngọc Minh	DH17CK			5,0	9,0	4,0	5,2	001234●678910	01●3456789
21	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK			10	8,5	9,0	9,1	0012345678●10	0●23456789
22	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK			5,0	9,0	2,0	4,0	00123●5678910	●123456789
23	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			5,0	6,0	8,0	7,0	00123456●8910	●123456789
24	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD							●012345678910	0123456789
25	18115068	Phạm Thị Kiều Nhi	DH18CB			9,0	6,0	2,0	4,2	00123●5678910	01●3456789
26	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK							●012345678910	0123456789
27	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK			10	7,0	7,0	7,6	00123456●8910	012345●789
28	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL			5,0	8,0	4,0	3,2	0012●45678910	01●3456789
29	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL			5,0	5,0	3,5	4,1	00123●5678910	0●23456789
30	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT			9,0	6,5	4,5	4,0	00123●5678910	●123456789
31	17137055	Nguyễn Nhật V	DH17NL							●012345678910	0123456789
32	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD			4,5	4,0	4,0	4,1	00123●5678910	0●23456789



Mã nhận dạng 00706

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CB_01

Tổ Thi 001_DH18CB_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 07/09/2020

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT			9,0	8,0	4,0	5,8	001234●678910	01234567●9
34	14118072	Nguyễn Gia Thuật	DH14CK			5,0	7,5	2,5	4,0	00123●5678910	●123456789
35	18154123	Trương Văn Thúc	DH18OT			5,0	8,0	6,0	6,2	0012345●78910	01●3456789
36	15115167	Trần Thiện Tiến	DH15GN			2,5	0,0	1,0	1,1	00●2345678910	0●23456789
37	18115106	Nguyễn Thị Thùy Trang	DH18CB			4,5	5,0	2,5	3,4	0012●45678910	0123●56789
38	16115216	Huỳnh Ngọc Trí	DH16CB							●012345678910	0123456789
39	16115246	Dương Nguyễn Bá Triều	DH16GN			4,5	2,0	1,0	1,9	00●2345678910	012345678●
40	16115187	Nguyễn Kim Trình	DH16CB							●012345678910	0123456789
41	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK			4,5	6,5	3,0	4,0	00123●5678910	●123456789
42	13115460	Lê Tiến Tùng	DH13CB							●012345678910	0123456789
43	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC			5,0	6,0	3,0	4,0	00123●5678910	●123456789
44	13115475	Trương Xuân Vinh	DH13CB							●012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00706

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CB_01

Tổ Thi

001_DH18CB_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 07/09/2020

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 14. Số sinh viên vắng 10

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Văn Công Chính

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm thi	Điểm	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
							80 %	20 %		T. kết		
1	19118003	Nguyễn Văn	Anh	DH19CC			5,0	8,5	3,0	4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc	Bảo	DH19CC			5,0	8,0	1,0	3,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118013	Nguyễn Tiểu	Bảo	DH19CC			5,0	8,0	1,5	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	15118006	Nguyễn Châu	Bình	DH15CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118016	Nguyễn Văn	Ca	DH19CC			5,0	7,5	2,5	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19118018	Lê Minh	Cảnh	DH19CC			5,0	8,0	0,5	2,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	15118008	Lê Trung	Chiến	DH15CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118020	Nguyễn Đoàn Công	Chiến	DH19CC			5,0	6,0	3,0	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118024	Đậu Thành	Công	DH19CC			5,0	7,5	2,5	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118026	Đinh Ngọc	Cường	DH19CC			4,0	5,0	0,0	1,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	16118025	Nguyễn Châu Chí	Cường	DH16CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	15115017	Trương Nguyễn Thái	Danh	DH15GN							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118043	Huỳnh Quốc	Dũng	DH19CC			5,0	6,0	2,0	3,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19118044	Trần Nhật	Dũng	DH19CC			5,0	5,0	6,0	5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19118049	Huỳnh Khánh	Duy	DH19CC			4,5	9,0	0,5	3,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19118051	Phan Phúc	Duy	DH19CC			9,0	7,0	1,5	4,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00707

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 001_DH19CC_02

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 07/09/2020

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC			4,0	7,0	1,0	2,8	001●345678910	01234567●9
18	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC			5,0	8,0	3,0	4,4	00123●5678910	0123●56789
19	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC			5,0	9,0	1,0	3,4	0012●45678910	0123●56789
20	19118035	Nguyễn Mai Quốc	DH19CC	V						●012345678910	0123456789
21	19118036	Nguyễn Thành Đạt	DH19CC	V						●012345678910	0123456789
22	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC			8,5	8,0	2,0	4,5	00123●5678910	01234●6789
23	19118039	Bùi Ngọc Điệp	DH19CC	V						●012345678910	0123456789
24	19118041	K'	DH19CC			4,5	6,0	1,0	2,7	001●345678910	0123456●89
25	16115214	Trần Thị Trúc	DH16GN			5,0	8,0	6,0	6,2	0012345●78910	01●3456789
26	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC			5,0	7,0	1,0	3,0	0012●45678910	●123456789
27	19118059	Nguyễn Chí	DH19CC			8,5	7,0	1,5	4,0	00123●5678910	●123456789
28	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC			5,0	9,0	1,0	3,4	0012●45678910	0123●56789
29	19118077	Phạm Văn	DH19CC			4,0	6,0	0,5	2,3	001●345678910	012●456789
30	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC			5,0	6,0	1,0	2,8	001●345678910	01234567●9
31	19118087	Đỗ Quốc	DH19CC			5,0	8,0	0,0	2,6	001●345678910	012345●789
32	19118091	Ngô Sang	DH19CC	V						●012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00707

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi

001_DH19CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 07/09/2020

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD204

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC	<i>Nguyễn</i>		5,0	8,0	3,5	4,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 2, Số sinh viên vắng 1...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Minh Hiền

Nguyễn Đức

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Văn Công Chính



Mã nhận dạng 00708

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 002_DH19CC_02

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 07/09/2020

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			4,15	7,0	0,0	2,3	0010345678910	0120456789
2	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC			5,0	6,0	7,0	6,4	0012345678910	0123056789
3	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC			5,0	6,0	6,5	6,1	0012345678910	0023456789
4	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC			5,0	6,0	6,5	6,1	0012345678910	0023456789
5	19118103	Mai Hoàng KHải	DH19CC			5,0	9,0	4,5	5,5	0012345678910	0123406789
6	19118104	Nguyễn Chí KHải	DH19CC			4,0	6,0	4,0	2,6	0010345678910	0123450789
7	19118105	Lý Nhât Khang	DH19CC			5,0	8,5	3,5	4,8	0012305678910	0123456709
8	19118107	Phạm Vĩnh Khang	DH19CC			4,0	8,0	4,0	3,0	0012045678910	0123456789
9	16115076	Trần Duy Khánh	DH16CB							0012345678910	0123456789
10	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC			5,0	6,0	3,0	4,0	0012305678910	0123456789
11	19118115	Phù Thiết Ki	DH19CC			5,0	8,0	0,0	2,6	0010345678910	0123450789
12	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC			4,5	6,0	0,0	2,1	0010345678910	0023456789
13	16115084	Trần Bá Thái Lâm	DH16GN			4,5	6,0	0,0	2,1	0010345678910	0023456789
14	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC			9,5	5,0	6,0	6,5	0012345678910	0123406789
15	19118131	Lê Hoàng Long	DH19CC			10	8,0	5,5	6,9	0012345678910	0123456780
16	19118134	Lý Kim Luân	DH19CC			5,0	9,0	4,5	5,5	0012345678910	0123406789



Mã nhận dạng 00708

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 002_DH19CC_02

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 07/09/2020

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118139	Đinh Minh Mẫn	DH19CC			5,0	9,0	5,5	6,1	0012345●78910	0●23456789
18	19118145	Nguyễn Văn Minh	DH19CC			5,0	8,0	3,0	4,1	00123●5678910	0123●56789
19	16118102	Phạm Nhựt Minh	DH16CK			5,0	6,0	1,0	2,8	001●345678910	01234567●9
20	19118146	Thạch Minh	DH19CC			4,5	8,0	2,5	4,0	00123●5678910	●123456789
21	19118150	Nguyễn Hoài Nam	DH19CC			5,0	9,0	2,0	4,0	00123●5678910	●123456789
22	16115113	Nguyễn Kiều Nghĩa	DH16GN			4,0	6,0	1,0	2,6	001●345678910	012345●789
23	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			5,0	6,0	1,5	3,1	0012●45678910	0●23456789
24	19118161	Lê Dương Thiện Nhân	DH19CC							●012345678910	0123456789
25	19118162	Nguyễn Duy Trọng Nhân	DH19CC			5,0	9,0	2,0	4,0	00123●5678910	●123456789
26	19118163	Phạm Trọng Nhân	DH19CC							●012345678910	0123456789
27	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC			5,0	5,0	8,5	7,1	00123456●8910	0●23456789
28	17154066	Đinh Xuân Nhật	DH17OT			4,0	8,0	0,5	2,7	001●345678910	0123456●89
29	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD							●012345678910	0123456789
30	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC			5,0	1,0	6,0	4,8	00123●5678910	01234567●9
31	19115086	Lê Công Phát	DH19CB			5,0	6,5	2,0	3,5	0012●45678910	01234●6789
32	19118173	Bùi Trung Phong	DH19CC			4,5	8,0	0,0	2,5	001●345678910	01234●6789



Mã nhận dạng 00708

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 002_DH19CC_02

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 07/09/2020

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118178	Phạm Hoàng Phong	DH19CC			4,5	8,0	1,0	3,1	0012345678910	023456789
34	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC			9,0	7,0	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
35	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC			5,0	8,5	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
36	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC			4,5	6,0	0,0	2,1	0012345678910	023456789
37	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC			4,5	6,0	2,0	3,3	0012345678910	0123456789
38	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC							0012345678910	0123456789
39	16118131	Trần Bảo Sang	DH16NL			1,0	7,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
40	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC							0012345678910	0123456789
41	19118202	Nguyễn Minh Tâm	DH19CC			1,5	6,5	1,5	3,1	0012345678910	023456789
42	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC							0012345678910	0123456789
43	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC			5,0	9,0	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
44	19118217	Phan Trung Thành	DH19CC							0012345678910	0123456789
45	19118218	Lê Thế Thảo	DH19CC							0012345678910	0123456789
46	16118143	Hà Văn Thắng	DH16CC			5,0	7,0	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
47	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC			5,0	9,0	0,0	2,8	0012345678910	0123456789
48	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD							0012345678910	0123456789



STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118230	Nguyễn Thị Anh	Thư	DH19CC			5,0	9,0	6,0	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
50	19118236	Phạm Vũ Nhật	Tiến	DH19CC			4,5	8,0	5,0	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
51	13115422	Lê Văn Công	Toại	DH13CB							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	19118244	Nguyễn Phúc	Toại	DH19CC			10	6,0	9,0	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
53	19118246	Nguyễn Văn	Toàn	DH19CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	17118119	Trần Trọng	Toàn	DH17CK			10	8,5	6,0	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
55	19118247	Trương Hữu	Toàn	DH19CC			4,5	4,0	4,0	4,7	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
56	19118245	Nguyễn Văn	Toán	DH19CC			5,0	8,0	5,5	5,9	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
57	19118251	Trần Thị Thiên	Trang	DH19CC			5,0	8,0	2,5	4,1	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
58	16137083	Huỳnh Trần Minh	Trâm	DH16NL			4,0	7,0	4,0	2,8	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
59	19118250	Huỳnh Trần Bảo	Trần	DH19CC			5,0	8,5	0,5	3,0	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	19118254	Huỳnh Như	Trọng	DH19CC			5,0	7,0	4,5	5,1	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
61	19118255	Ngô Thanh	Trung	DH19CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	19118258	Vũ Đình	Trung	DH19CC			5,0	8,0	3,0	4,4	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
63	13118324	Phạm Ngọc	Truyền	DH13CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	13118326	Nguyễn Nhựt	Trường	DH13CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00708

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi

002_DH19CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 07/09/2020

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD301

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC			5,0	6,0	5,5	5,5	001234678910	012346789
66	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC			4,0	7,0	3,0	4,0	001235678910	0123456789
67	19118268	Trần Nguyễn Anh Tuấn	DH19CC							0012345678910	0123456789
68	19118269	Trần Nguyễn Đức Tuấn	DH19CC			5,0	1,0	0,0	1,2	002345678910	013456789
69	16154107	Trần Quang Tuấn	DH16OT			4,5	9,5	4,5	5,5	001234678910	012346789
70	19118263	Võ Văn Tư	DH19CC			5,0	8,0	2,5	4,1	001235678910	023456789
71	19118279	Bùi Bá Vũ	DH19CC			5,0	9,0	1,0	3,4	001245678910	012356789
72	19118280	Nguyễn Hoàng Vũ	DH19CC			5,0	8,0	3,0	4,4	001235678910	012356789

Số sinh viên dự thi 56 Số sinh viên vắng 16

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi I

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.Y. Kiệp

Lê Văn Tuấn

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00713

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Công nghệ &TB CB lúa gạo(207212)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi 001_DH17CC_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 21/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			8,0	5,8	7,0	7,0	00123456●8910	●123456789
2	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC			7,8	4,3	6,0	6,0	0012345●78910	●123456789
3	17118013	Lai Hàm	DH17CC			7,5	4,4	5,5	5,7	001234●678910	0123456●89
4	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC			9,5	7,3	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
5	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC			7,8	7,1	6,5	6,9	0012345●78910	012345678●
6	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC			9,0	6,8	8,0	8,0	001234567●910	●123456789
7	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC			9,5	7,8	6,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
8	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC			8,0	6,3	8,0	7,7	00123456●8910	0123456●89
9	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC			7,8	6,2	6,0	6,4	0012345●78910	0123●56789
10	17118042	Trần Quang Hưng	DH17CC							●012345678910	0123456789
11	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC							●012345678910	0123456789
12	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC			7,8	6,6	6,5	6,6	0012345●78910	012345●789
13	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC			8,5	6,0	5,5	6,2	0012345●78910	01●3456789
14	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC			7,8	6,3	5,5	6,1	0012345●78910	0●23456789
15	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC			8,3	7,7	8,0	8,0	001234567●910	●123456789
16	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC			8,0	6,1	6,5	6,7	0012345●78910	0123456●89



Mã nhận dạng 00713

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Công nghệ &TB CB lúa gạo(207212)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi 001_DH17CC_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 21/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC			8,5	6,0	6,5	6,8	0012345●78910	01234567●9
18	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC			9,0	7,3	7,5	7,8	00123456●8910	01234567●9
19	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC			8,5	6,2	6,5	6,8	0012345●78910	01234567●9
20	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC			7,8	5,4	6,5	6,5	0012345●78910	01234●6789
21	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC			9,3	8,2	7,0	7,7	00123456●8910	0123456●89
22	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC			7,8	6,6	7,0	7,1	00123456●8910	0●23456789
23	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC			8,0	6,7	7,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
24	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC			8,8	6,4	8,0	7,8	00123456●8910	01234567●9
25	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC			8,0	5,7	5,5	6,0	0012345●78910	●123456789
26	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC			9,0	6,8	8,5	8,3	001234567●910	012●456789
27	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC			9,0	7,0	6,0	6,8	0012345●78910	01234567●9
28	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC			8,8	7,3	7,5	7,7	00123456●8910	0123456●89
29	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC			7,8	7,3	8,0	7,8	00123456●8910	01234567●9
30	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC			8,5	7,5	7,0	7,4	00123456●8910	0123●56789
31	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC			7,8	4,8	5,5	5,8	001234●678910	01234567●9
32	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC			8,0	6,9	5,5	6,3	0012345●78910	012●456789



Mã nhận dạng 00713

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Công nghệ & TB CB lúa gạo(207212)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi

001_DH17CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 21/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiên	DH17CC			8,8	6,1	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
34	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC			8,8	6,9	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
35	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC			8,0	7,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
36	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			8,0	7,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
37	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC			8,5	7,2	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
38	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC			7,8	6,2	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
39	17118135	Đàng Năng San U	DH17CC			8,0	6,5	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
40	17118143	Nguyễn Hải Vương	DH17CC			9,3	7,4	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
41	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			8,0	5,5	5,5	6,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 34 Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Công Chính

Trần Văn Thanh

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày in : 07/07/2020

TS. Bùi Ngọc Hùng



Mã nhận dạng 00716

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_02**

Tổ Thi **001_DH17NL_02**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

Ngày Thi **18/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **CT102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ĐL%	Đ2 ĐL%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118009	Nguyễn Thái An	DH16CC							○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	17137002	Trương Quốc An	DH17NL	<i>fn</i>		8,5	7,1	6,5	7,0	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL	<i>Bu</i>		8,0	8,8	9,0	8,8	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
4	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL	<i>Minh</i>		8,0	7,4	4,5	5,8	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
5	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL	<i>chue</i>		8,0	7,4	6,5	7,0	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL	<i>chen</i>		8,0	6,5	6,0	6,5	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
7	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL	<i>cu</i>		7,5	8,4	5,5	6,5	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
8	16118027	Trần Mậu Dân	DH16CC	<i>Dan</i>		5,0	8,1	4,0	5,0	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC	<i>Dung</i>		4,0	7,9	4,5	5,1	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	17137018	Phạm Ngô Ngọc Duyệt	DH17NL							● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL							● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC	<i>duc</i>		8,5	8,1	9,0	8,7	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
13	17137023	Mai Văn Hòa	DH17NL	<i>Hoa</i>		9,5	7,3	5,5	6,7	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
14	17137026	PhanPhước Hoàng	DH17NL	<i>Hu</i>		7,0	8,0	5,0	6,0	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL	<i>h</i>		8,0	7,4	5,5	6,4	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
16	17137033	Phan Đình Huỳnh	DH17NL	<i>huynh</i>		8,5	7,4	4,0	5,6	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9



Mã nhận dạng 00716

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_02**

Tổ Thi **001_DH17NL_02**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

Ngày Thi **18/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **CT102**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137034	Đỗ Thích Khang	DH17NL			8,0	7,4	4,0	5,5	001234678910	012346789
18	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL			6,0	8,1	4,5	5,5	001234678910	012346789
19	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL			9,0	8,4	8,0	8,3	0012345678910	012456789
20	17137044	Cao Long	DH17NL			4,0	8,4	1,5	3,4	001245678910	012356789
21	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL			8,0	8,5	6,5	7,2	0012345678910	013456789
22	17137041	Hồ Thanh Lộc	DH17NL			9,0	7,4	5,0	6,3	0012345678910	012456789
23	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL			8,5	7,5	5,0	6,2	0012345678910	013456789
24	16118088	Nguyễn Hoàn Phước	DH16CC			4,0	7,0	4,0	4,6	001235678910	012345789
25	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL			8,5	8,5	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
26	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL			2,0	7,4	4,0	4,3	001235678910	012456789
27	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC			8,0	0,0	4,0	4,0	001235678910	0123456789
28	17137050	Võ Tấn Ngoan	DH17NL			9,0	7,6	6,5	7,2	0012345678910	013456789
29	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC			8,5	7,6	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
30	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL			6,0	7,9	4,0	5,2	001234678910	013456789
31	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL			9,0	7,4	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
32	17137061	Mai Trí Tài	DH17NL			5,0	7,6	3,5	4,6	001235678910	012345789



Mã nhận dạng 00716

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_02**

Tổ Thi

001_DH17NL_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi **18/08/2020**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17137062	Lê Thị Cẩm	Thạch	DH17NL			9,5	8,0	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
34	17137065	Ngô Văn	Thịnh	DH17NL			9,0	7,8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
35	17137067	Nguyễn Công	Thức	DH17NL			4,0	8,1	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
36	17137073	Nguyễn Hải	Triều	DH17NL			8,0	7,9	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
37	17137077	Nguyễn Hoài	Vũ	DH17NL			4,0	7,8	5,5	5,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 34 Số sinh viên vắng 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Công Chính

Lê Quang Vinh

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Văn Công Chính

Lê Quang Vinh

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00127

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207226) - 10

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118019	Nguyễn Tuấn Châu	DH16CC						9,0	0012345678910	0123456789
2	16118027	Trần Mậu Dân	DH16CC						8,8	0012345678910	0123456789
3	16118045	Đào Văn Hải	DH16CC						8,4	0012345678910	0123456789
4	16118046	Nguyễn Ngọc Hải	DH16CC						8,7	0012345678910	0123456789
5	16118067	Trần Quang Huy	DH16CC						8,7	0012345678910	0123456789
6	16118074	Đỗ Minh Khôi	DH16CC						7,8	0012345678910	0123456789
7	16118086	Nguyễn Đại Lộ	DH16CC						8,6	0012345678910	0123456789
8	16118103	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH16CC						8,9	0012345678910	0123456789
9	16118122	Ngô Văn Nu Phương	DH16CC						8,3	0012345678910	0123456789
10	16118128	Lê Đức Quy	DH16CC						8,2	0012345678910	0123456789
11	16118129	Nguyễn Văn Quý	DH16CC						8,3	0012345678910	0123456789
12	16118132	Huỳnh Sơn	DH16CC						8,3	0012345678910	0123456789
13	16118137	Dương Văn Tài	DH16CC						8,8	0012345678910	0123456789
14	16118146	Hoàng Văn Thành	DH16CC						8,4	0012345678910	0123456789
15	16118152	Đặng Thị Hòa Thuận	DH16CC						8,4	0012345678910	0123456789
16	16118159	Lê Văn Tinh	DH16CC						8,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00127



Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207226) - 10

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	16118160	Lê Bá Toàn	DH16CC						8,7	0012345678910	0123456789
18	16118164	Đào Thanh Tú	DH16CC						8,4	0012345678910	0123456789
19	16118170	Võ Tường	DH16CC						8,2	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng

Ê Anh Đức

Cay Minh
Ng Văn Cay Chai



Mã nhận dạng 00729

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Máy làm đất(207303)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD Phạm Duy Lam

Ngày Thi 05/09/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK			7	6	2	3,3	0012345678910	0123456789
2	17118005	Phan Văn Hùng	DH17CK			9	7	6	6,5	0012345678910	0123456789
3	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK			9	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
4	14118004	Đồng Văn Bảo	DH14CK			/	/	/	/	0012345678910	0123456789
5	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK			8	7	6	6,4	0012345678910	0123456789
6	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK			7	7	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
7	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK			8	7	5	5,7	0012345678910	0123456789
8	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK			7	8	4	5,1	0012345678910	0123456789
9	17118018	Lê Công Danh	DH17CK			6	7	1,5	3,1	0012345678910	0123456789
10	15118012	Trần Thanh Danh	DH15CK			7	8	6	6,5	0012345678910	0123456789
11	16118035	Phạm Anh Dũng	DH16CK			6	8	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
12	17118024	Lê Văn Dự	DH17CK			8	7	1	2,9	0012345678910	0123456789
13	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			8	8	4	5,2	0012345678910	0123456789
14	16118029	Văn Phú Đạt	DH16CK			7	7	1	2,8	0012345678910	0123456789
15	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK			8	8	1	5,2	0012345678910	0123456789
16	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK			6	7	7	6,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00729

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Máy làm đất(207303)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD Phạm Duy Lam

Ngày Thi 05/09/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK			8	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
18	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK			8	7	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
19	17118032	Trần Hoàng Hân	DH17CK			8	7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
20	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK			8	7	1	2,9	0012345678910	0123456789
21	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK			8	8	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
22	14118170	Bùi Quang Huy	DH14CK			6	7	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
23	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK			8	8	1	3,1	0012345678910	0123456789
24	17118046	Trần Khải	DH17CK			6	8	4	5,0	0012345678910	0123456789
25	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK			6	8	3	4,3	0012345678910	0123456789
26	15118140	Trương Đăng Khoa	DH15CK			7	8	4	5,1	0012345678910	0123456789
27	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK			8	8	7	7,0	0012345678910	0123456789
28	16118076	Vũ Hoàng Kim	DH16CK			7	8	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
29	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			8	7	6	6,4	0012345678910	0123456789
30	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK			6	8	4	5,0	0012345678910	0123456789
31	16118085	Trần Vũ Linh	DH16CK			6	8	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
32	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK			8	7	1	2,9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 00729

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Máy làm đất(207303)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD Phạm Duy Lam

Ngày Thi 05/09/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118059	Nguyễn Hoàng Yến	Mi	DH17CK		10	8	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
34	16118102	Phạm Nhật	Minh	DH16CK		8	8	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
35	17118061	Đào Phương	Nam	DH17CK		8	8	10	9,4	0012345678910	0123456789
36	17118062	Phạm Văn	Nam	DH17CK		6	7	5	5,5	0012345678910	0123456789
37	17118063	Trần Phương	Nam	DH17CK		8	8	3	4,5	0012345678910	0123456789
38	17118064	Phan Trọng	Nghĩa	DH17CK		6	8	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
39	17118065	Cao Quý	Nguyên	DH17CK		8	7	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
40	16118104	Đào Xuân	Nguyên	DH16CK		6	8	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
41	17118066	Hoàng Trung	Nguyên	DH17CK		10	8	4	5,4	0012345678910	0123456789
42	14118207	Nguyễn Lê	Nguyên	DH14CK		6	7	5	5,5	0012345678910	0123456789
43	17118072	Nguyễn Minh	Nhật	DH17CK		6	7	1	2,7	0012345678910	0123456789
44	17118076	Phan Lê Bảo	Phi	DH17CK		8	8	4	5,2	0012345678910	0123456789
45	17118078	Nguyễn Lê	Phong	DH17CK		8	8	5	5,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00729

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Máy làm đất(207303)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH17CK_01** Tổ Thi **001_DH17CK_01** Tên CBGD **Phạm Duy Lam**
Ngày Thi **05/09/2020** Giờ Thi **09:45** Phòng Thi **CT102**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 44 Số sinh viên vắng 1

Ngày 6 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

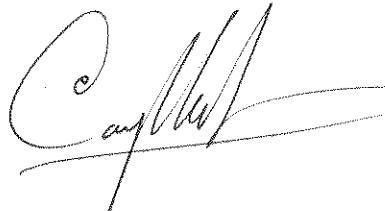
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Phạm Duy Lam


Lê Khắc Quý


Th.S Nguyễn Văn Công Chính


Phạm Duy Lam



Mã nhận dạng 00730

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Máy làm đất(207303)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 002_DH17CK_01

Tên CBGD Phạm Duy Lam

Ngày Thi 05/09/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 AC%	Đ2 2C%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK			8	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
2	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			8	7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
3	16118130	Bùi Thanh Sang	DH16CK			7	8	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
4	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK			8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789
5	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK						✓	0012345678910	0123456789
6	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK			6	8	4	5,0	0012345678910	0123456789
7	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK			6	7	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
8	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			8	8	3	4,5	0012345678910	0123456789
9	17118094	Bùi Phú Tâm	DH17CK			8	8	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
10	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK			8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789
11	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK			8	8	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
12	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK			8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789
13	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK			6	7	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
14	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK			8	7	6	6,4	0012345678910	0123456789
15	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK			8	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
16	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK			8	7	3	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00730

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Máy làm đất(207303) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH17CK_01 Tổ Thi 002_DH17CK_01 Tên CBGD Phạm Duy Lam
Ngày Thi 05/09/2020 Giờ Thi 09:45 Phòng Thi CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			7	7	2	3,5	0012345678910	0123456789
18	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK			6	7	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
19	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK			8	8	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
20	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK			8	7	5	5,8	0012345678910	0123456789
21	17118117	Hoàng Ngọc Tín	DH17CK			8	8	6	6,4	0012345678910	0123456789
22	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK			8	7	4	5,0	0012345678910	0123456789
23	15118106	Trần Trung Tín	DH15CK			6	7	7	6,9	0012345678910	0123456789
24	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK			8	8	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
25	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK			6	7	3	4,1	0012345678910	0123456789
26	17118125	Ngô Tùng Trung	DH17CK			8	7	3	4,3	0012345678910	0123456789
27	14118293	Lê Văn Trúng	DH14CK			6	8	4	5,0	0012345678910	0123456789
28	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK			8	7	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
29	17118136	Đặng Thanh Việt	DH17CK			8	7	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
30	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK			8	8	5	5,9	0012345678910	0123456789
31	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK			8	8	6	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00730

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Máy làm đất(207303)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH17CK_01** Tổ Thi **002_DH17CK_01** Tên CBGD **Phạm Duy Lam**
Ngày Thi **05/09/2020** Giờ Thi **09:45** Phòng Thi **CT101**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 30. Số sinh viên vắng 1....

Ngày 6 Tháng 9 Năm 2020

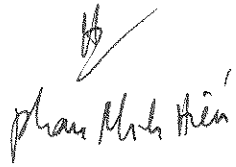
Cán bộ coi thi 1

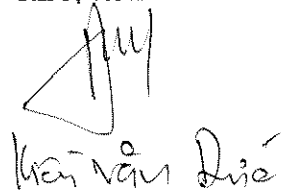
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

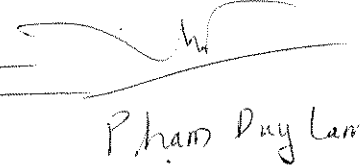
Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Phan Minh Hien


Phan Van Diep


Th.S Nguyễn Văn Công Chính


Phạm Duy Lam

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: 0

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 22/06/2020 11:21



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207323) - 10

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118010	Đinh Quốc Ân	DH16CK						6,6	0012345678910	0123456789
2	16118015	Nguyễn Quốc Bảo	DH16CK						8,6	0012345678910	0123456789
3	16118016	Tăng Duy Bảo	DH16CK						7,8	0012345678910	0123456789
4	15118006	Nguyễn Châu Bình	DH15CK						7,6	0012345678910	0123456789
5	16118026	Tổng Mạnh Cường	DH16CK						7,3	0012345678910	0123456789
6	15118012	Trần Thanh Danh	DH15CK						6,9	0012345678910	0123456789
7	16118035	Phạm Anh Dũng	DH16CK						7,2	0012345678910	0123456789
8	16118029	Văn Phú Đạt	DH16CK						8,1	0012345678910	0123456789
9	16118049	Nguyễn Văn Hào	DH16CK						7,3	0012345678910	0123456789
10	16118053	Trần Thanh Hậu	DH16CK						8,4	0012345678910	0123456789
11	15118036	Nguyễn Trọng Hiếu	DH15CK						8,1	0012345678910	0123456789
12	15118035	Nguyễn Xuân Hiếu	DH15CK						8,2	0012345678910	0123456789
13	16118076	Vũ Hoàng Kim	DH16CK						8,0	0012345678910	0123456789
14	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK						7,3	0012345678910	0123456789
15	16118098	Nguyễn Bình Trí Mẫn	DH16CK						7,6	0012345678910	0123456789
16	14118207	Nguyễn Lê Nguyên	DH14CK						8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00537



Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207323) - 10

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	16118130	Bùi Thanh Sang	DH16CK						6,2	0012345678910	0123456789
18	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK						8,2	0012345678910	0123456789
19	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK						/	0012345678910	0123456789
20	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK						8,1	0012345678910	0123456789
21	14118072	Nguyễn Gia Thuật	DH14CK						7,7	0012345678910	0123456789
22	16118154	Lê Xuân Tiến	DH16CK						7,2	0012345678910	0123456789
23	15118117	Lý Ngọc Trọng	DH15CK						8,0	0012345678910	0123456789
24	14118093	Trần Phước Vinh	DH15CK						8,3	0012345678910	0123456789
25	14118315	Trần Bá Vương	DH14CK						8,1	0012345678910	0123456789
26	16118180	Võ Quang Vy	DH16CK						7,2	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S Nguyễn Văn Công Chính

Nguyễn Thanh Nghị

Phạm Duy Lâm



Mã nhận dạng 00737

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Lò hơi công nghiệp(207406)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **001_DH17NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Lành**

Ngày Thi **17/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL			8	8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
2	17137002	Trương Quốc	DH17NL			8	6	8.0	7.6	0012345678910	0123456789
3	17137003	Trịnh Tuấn	DH17NL			8	8	10.0	9.2	0012345678910	0123456789
4	18137002	Nguyễn Công	DH18NL							0012345678910	0123456789
5	17137004	Đặng Tiểu	DH17NL			9	9	7.5	8.1	0012345678910	0123456789
6	17137005	Mai Thanh	DH17NL			8	6	5.0	5.8	0012345678910	0123456789
7	17137006	Lưu Nhất	DH17NL			8	7	9.5	8.7	0012345678910	0123456789
8	17137007	Đậu Sỹ	DH17NL			7	7	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
9	17137009	Nguyễn Võ Quốc	DH17NL			8	6	8.5	7.9	0012345678910	0123456789
10	17137011	Phan Hữu	DH17NL			8	9	10.0	9.4	0012345678910	0123456789
11	18137013	Nguyễn Tiến	DH18NL			9	6	6.5	6.9	0012345678910	0123456789
12	17137013	Nguyễn Khánh	DH17NL			8	8	3.0	5.0	0012345678910	0123456789
13	17137014	Nguyễn Quang	DH17NL			8	8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
14	17137016	Phan Lê	DH17NL			8	8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
15	18137011	Nguyễn Thanh	DH18NL			8	5	3.5	4.7	0012345678910	0123456789
16	16137013	Phan Quốc	DH16NL			7	7	5.0	5.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00737

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Lò hơi công nghiệp(207406)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi 001_DH17NL_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Lành

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Đo %	Đ2 Đo %	Điểm Đ1	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL			8	8	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
18	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL			8	8	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
19	17137020	Nguyễn Thành Hiếu	DH17NL			8	8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
20	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL			8	6	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
21	17137026	PhanPhước Hoàng	DH17NL			8	6	4.0	5.2	0012345678910	0123456789
22	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL			8	5	5.5	5.9	0012345678910	0123456789
23	17137022	Huỳnh Nhựt Hồ	DH17NL			8	6	3.5	4.9	0012345678910	0123456789
24	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL			8	6	5.5	5.9	0012345678910	0123456789
25	18137021	HồXuân Hùng	DH18NL			8	8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
26	17137032	Trần Minh Huy	DH17NL			8	6	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
27	17137033	Phan Đình Huỳnh	DH17NL			8	8	4.5	5.5	0012345678910	0123456789
28	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL			8	8	9.5	8.7	0012345678910	0123456789
29	17137034	Đỗ Thích Khang	DH17NL			8	8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
30	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL			8	8	6.0	6.6	0012345678910	0123456789
31	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL			8	8	4.5	5.7	0012345678910	0123456789
32	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL			8	8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00737

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Lò hơi công nghiệp(207406)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Lành

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm bài	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16137048	Nguyễn Hoài Linh	DH16NL			8	8	4.0	5.6	0012345678910	0123456789
34	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL			8	6	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
35	17137041	Hồ Thanh Lộc	DH17NL			8	8	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
36	18137026	HuỳnhĐa Lộc	DH18NL			8	8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
37	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL			8	8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
38	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL			8	7	6.5	6.9	0012345678910	0123456789
39	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL			6	6	2.5	3.9	0012345678910	0123456789
40	17137046	Nguyễn Na Na	DH17NL			8	8	4.0	5.4	0012345678910	0123456789
41	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL			8	5	4.5	5.3	0012345678910	0123456789
42	17137050	Võ Tấn Ngoan	DH17NL			8	8	9.0	8.6	0012345678910	0123456789
43	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL			8	8	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
44	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL			8	7	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
45	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL			8	5	7.0	6.8	0012345678910	0123456789
46	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL			8	4	2.0	3.6	0012345678910	0123456789
47	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL			8	4	3.0	4.2	0012345678910	0123456789
48	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL			8	8	8.0	8.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00737

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Lò hơi công nghiệp(207406)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi 001_DH17NL_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Lành

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 90%	Đ2 80%	Điểm bình quả	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17137058	Ngô Thành Quý	DH17NL			8	8	4.0	5.6	0012345678910	0123456789
50	17137059	Phan Thị Thảo	DH17NL			8	9	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
51	17137061	Mai Trí	DH17NL			8	6	3.0	4.6	0012345678910	0123456789
52	18137039	Phạm Trương Quang	DH18NL			8	6	4.5	5.5	0012345678910	0123456789
53	17137063	Võ Anh	DH17NL			8	6	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
54	17137064	Đỗ Duy	DH17NL			8	8	10.0	9.0	0012345678910	0123456789
55	18137041	Trần Văn	DH18NL			8	8	3.0	4.8	0012345678910	0123456789
56	17137067	Nguyễn Công	DH17NL			8	8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
57	17137068	Trần Hữu	DH17NL			8	8	6.5	6.9	0012345678910	0123456789
58	17137070	Hồ Thị Đài	DH17NL			8	8	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
59	16137083	Huỳnh Trần Minh	DH16NL			8	9	5.0	6.4	0012345678910	0123456789
60	15137061	Hùng Phạm Minh	DH15NL	✓						0012345678910	0123456789
61	17137072	Nguyễn Hoàng Anh	DH17NL			6	8	3.0	4.6	0012345678910	0123456789
62	17137073	Nguyễn Hải	DH17NL			8	6	8.0	7.6	0012345678910	0123456789
63	17137074	Lê Phước	DH17NL			8	8	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
64	18137045	Nguyễn Đỗ	DH18NL			8	5	1.5	3.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00737

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Lò hơi công nghiệp(207406)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi 001_DH17NL_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Lành

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18137046	Phan Khánh	Trung			8	5	2.0	3.8	0012345678910	0123456789
66	18137047	Hồnguyễn Phi	Trường			8	5	2.0	3.8	0012345678910	0123456789
67	16137091	Vũ Nhật	Trường			6	6	9.0	7.8	0012345678910	0123456789
68	17115132	Lê Huỳnh Hoàng	Vân			8	6	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
69	17137077	Nguyễn Hoài	Vũ			8	4	3.0	4.2	0012345678910	0123456789
70	17137079	Nguyễn An Hoàng	Vương			8	8	3.0	5.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 68 Số sinh viên vắng 02

Ngày 25 Tháng 8 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 07/07/2020

Hoc kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: 0

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 22/06/2020 11:21



Mã nhận dạng 00745

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cắm biển trong điều khiển(207501)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi

001_DH17TD_01

Tên CBGD

Lê Văn Bạ

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14138037	Hồ Mạnh A	DH14TD	V			V	V	V	0012345678910	0123456789
2	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD	AD			8,3	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
3	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD	A			8,0	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
4	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD	Bm			8,5	6,25	6,9	0012345678910	0123456789
5	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD	C2			7,5	6,75	7,0	0012345678910	0123456789
6	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD	C2			7,9	6,25	6,8	0012345678910	0123456789
7	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD	Cuong			8,3	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
8	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD	Dy			8,3	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
9	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD	Duo2			8,2	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
10	17138007	Trần Quang Đại	DH17TD	QD			9,0	5,25	6,4	0012345678910	0123456789
11	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD	Dan			8,1	5,25	6,1	0012345678910	0123456789
12	17138014	Ngô Quốc Gia	DH17TD	Gia			8,3	8,25	8,3	0012345678910	0123456789
13	16138027	Lê Hoàng Giang	DH16TD	g2			7,7	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
14	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD	Hien			8,5	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
15	17138016	Hồ Hiền	DH17TD	H			✓	2,0	2,0	0012345678910	0123456789
16	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD	Mhuo2			8,0	5,0	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00745

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cảm biến trong điều khiển(207501)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi

001_DH17TD_01

Tên CBGD

Lê Văn Bạt

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138020	Trình Minh Hiếu	DH17TD				8,0	8,25	8,2	0012345678910	0123456789
18	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD				7,5	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
19	14138011	Nguyễn Chánh Hoàng	DH14TD				V	V	V	0012345678910	0123456789
20	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD				7,9	5,25	6,0	0012345678910	0123456789
21	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD				7,8	6,75	7,1	0012345678910	0123456789
22	15138031	Nguyễn Mạnh Khải	DH15TD				5,0	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
23	17138024	Phạm Ngọc Khải	DH17TD				8,3	7,25	7,6	0012345678910	0123456789
24	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD				8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
25	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD				7,9	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
26	17138028	Nguyễn Vũ Minh Khôi	DH17TD				8,3	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
27	17138029	Nguyễn Văn Linh	DH17TD				8,9	6,25	7,1	0012345678910	0123456789
28	17138030	Phan Nguyễn Hoàng Long	DH17TD				8,1	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
29	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD				8,4	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
30	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD				8,5	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
31	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD				8,2	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
32	16138062	Nguyễn Đình Trực Nhân	DH16TD				8,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00745

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cảm biến trong điều khiển(207501)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi

001_DH17TD_01

Tên CBGD

Lê Văn Bạ

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi

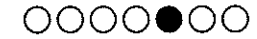
07:30

Phòng Thi

TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17138036	Huỳnh Kim Ninh	DH17TD				8,3	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
34	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD				8,5	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
35	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD				8,3	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
36	17138039	Lê Quang PHiếu	DH17TD				7,8	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
37	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD				8,5	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
38	16138069	Nguyễn Minh Quang	DH16TD				7,7	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
39	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD				8,0	7,25	7,5	0012345678910	0123456789
40	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD				8,8	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
41	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD				7,9	5,75	6,4	0012345678910	0123456789
42	17138046	Trần Trung Tâm	DH17TD				8,2	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
43	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD				8,0	4,75	5,7	0012345678910	0123456789
44	17138048	Đỗ Lý Việt Thắng	DH17TD				8,1	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
45	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD	V			V	V	V	0012345678910	0123456789
46	15138066	Nguyễn Minh Thoại	DH15TD	V			V	V	V	0012345678910	0123456789
47	17138051	Lưu Thị Ánh Thu	DH17TD				7,4	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
48	17138052	Phạm Hoài Thu	DH17TD				8,2	7,25	7,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00745

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cảm biến trong điều khiển(207501)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi

001_DH17TD_01

Tên CBGD

Lê Văn Bạt

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD					8,0	6,75	7,1	0012345678910
50	17138054	Nguyễn Ngọc Minh	DH17TD					9,2	9,0	9,1	0012345678910
51	17138055	Huỳnh Quang	DH17TD					9,0	9,5	9,4	0012345678910
52	17138056	Nguyễn Nhựt	DH17TD					9,2	9,0	9,1	0012345678910
53	16138083	Trần Nguyễn Quốc	DH16TD					8,0	4,25	5,7	0012345678910
54	17138057	Đào Bá Khánh	DH17TD					8,3	4,5	5,2	0012345678910
55	17138058	Nguyễn Đình	DH17TD					✓	✓	✓	0012345678910
56	17138059	Nguyễn Chí	DH17TD					8,0	5,25	6,1	0012345678910
57	17138060	Trương Tuấn	DH17TD					7,5	5,25	5,9	0012345678910
58	17138061	Bùi Anh	DH17TD					✓	✓	✓	0012345678910

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 07/07/2020



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đo lường & Đ.khiển bằng máy tính (207512) - 01

CBGD: Lê Văn Bạt (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD				6,25	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
2	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD				8,0	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
3	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD				7,5	9,0	8,3	0012345678910	0123456789
4	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD				7,25	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
5	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD				7,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
6	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD				8,5	6,75	7,6	0012345678910	0123456789
7	16138011	Nguyễn Quang Cường	DH16TD				6,25	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
8	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD				7,75	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
9	16138025	Trần Phúc Dũng	DH16TD				6,5	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
10	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD				8,0	8,25	8,1	0012345678910	0123456789
11	17138007	Trần Quang Đại	DH17TD				8,25	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
12	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD				8,5	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
13	16138017	Vì Văn Đạt	DH16TD				6,0	6,25	6,1	0012345678910	0123456789
14	16138021	Nguyễn Chí Đức	DH16TD				6,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
15	17138014	Ngô Quốc Gia	DH17TD				8,5	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
16	16138027	Lê Hoàng Giang	DH16TD				6,5	5,25	5,9	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đo lường & Đ.khiển bằng máy tính (207512) - 01

CBGD: Lê Văn Bận (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD	<i>Hiền</i>			8,0	8,0	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	17138016	Hồ Hiền	DH17TD	<i>Hiền</i>			7,0	6,0	6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD	<i>Hiếu</i>			8,0	7,0	7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD	<i>Hiếu</i>			8,0	6,25	7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD	<i>Hoàng</i>			6,25	5,0	5,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD	<i>Hồ</i>			7,25	6,5	6,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD	<i>Huân</i>			✓	✓	✓	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	13138006	Đào Thanh Hữu	DH13TD	<i>Hữu</i>			7,5	7,5	7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	17138024	Phạm Ngọc Khải	DH17TD	<i>Khải</i>			8,0	8,5	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD	<i>Khánh</i>			8,25	9,0	8,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD	<i>Khôi</i>			✓	✓	✓	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	17138028	Nguyễn Vũ Minh Khôi	DH17TD	<i>Khôi</i>			8,0	6,5	7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	17138029	Nguyễn Văn Linh	DH17TD	<i>Linh</i>			8,5	8,0	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	17138030	Phan Nguyễn Hoàng Long	DH17TD	<i>Long</i>			8,25	8,0	8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD	<i>Nam</i>			6,0	6,25	6,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD	<i>Nam</i>			8,5	8,5	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 00542

Trang 3/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đo lường & Đ.khiển bằng máy tính (207512) - 01

CBGD: Lê Văn Bạ (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD					7,0 8,5 7,8		0012345678910	0123456789
34	16138062	Nguyễn Đình Trục	DH16TD					6,5 6,25 7,1		0012345678910	0123456789
35	17138036	Huỳnh Kim Ninh	DH17TD					6,25 8,25 7,3		0012345678910	0123456789
36	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD					7,25 6,5 6,9		0012345678910	0123456789
37	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD					8,0 6,5 7,3		0012345678910	0123456789
38	17138039	Lê Quang Phiếu	DH17TD					7,0 6,0 6,5		0012345678910	0123456789
39	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD					8,0 8,25 8,4		0012345678910	0123456789
40	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD					7,5 6,75 7,1		0012345678910	0123456789
41	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD					9,0 7,0 8,0		0012345678910	0123456789
42	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD					7,0 6,25 6,6		0012345678910	0123456789
43	17138046	Trần Trung Tâm	DH17TD					7,0 6,5 6,8		0012345678910	0123456789
44	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD					V V V		0012345678910	0123456789
45	17138048	Đỗ Lý Việt Thắng	DH17TD					7,25 6,25 6,8		0012345678910	0123456789
46	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD					V V V		0012345678910	0123456789
47	15138066	Nguyễn Minh Thoại	DH15TD					V V V		0012345678910	0123456789
48	17138051	Lưu Thị Ánh Thu	DH17TD					7,25 6,25 7,3		0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đo lường & Đ.khiển bằng máy tính (207512) - 01

CBGD: Lê Văn Bận (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
49	17138052	Phạm Hoài Thu	DH17TD				7,5	6,25	7,1	○○○12345678910	○123456789
50	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD				8,75	6,5	2,6	○○○12345678910	○123456789
51	17138054	Nguyễn Ngọc Minh Thuận	DH17TD				9,0	9,0	9,0	○○○12345678910	○123456789
52	17138055	Huỳnh Quang Tiến	DH17TD				9,0	9,0	9,0	○○○12345678910	○123456789
53	17138056	Nguyễn Nhựt Tiến	DH17TD				9,0	9,0	9,0	○○○12345678910	○123456789
54	17138057	Đào Bá Khánh Trinh	DH17TD				7,5	5,0	7,8	○○○12345678910	○123456789
55	17138058	Nguyễn Đình Trọng	DH17TD				V	V	V	●○○12345678910	○123456789
56	17138059	Nguyễn Chí Trung	DH17TD				7,25	5,0	7,6	○○○12345678910	○123456789
57	17138060	Trương Tuấn Tú	DH17TD				6,5	4,0	5,3	○○○12345678910	○123456789
58	17138061	Bùi Anh Tuấn	DH17TD				V	V	V	●○○12345678910	○123456789
59	13138341	Trần Anh Văn	DH13TD				6,25	6,0	6,1	○○○12345678910	○123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Võ Ngọc Trinh

Nguyễn Văn Công Chính

Lê Văn Bận



Mã nhận dạng 00749

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17TD_01

Tổ Thi 001_DH17TD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 20/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD			7,0	9,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
2	15153004	Nguyễn Phan Hải Vu	DH15CD			6,0	6,0	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
3	13153042	Tạ Văn	DH13CD			6,0	5,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
4	17138002	Trần Thanh	DH17TD			6,5	7,5	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
5	17138005	Mai Hùng	DH17TD			5,5	6,0	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
6	17138006	Nguyễn Mạnh	DH17TD			7,5	7,0	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
7	16138013	Nguyễn Tấn	DH16TD			8,5	6,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
8	16138025	Trần Phúc	DH16TD			6,0	7,0	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
9	17153022	Đào Phụng	DH17CD			5,0	6,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
10	17153021	Đặng Thế	DH17CD			6,5	6,0	9,5	8,2	0012345678910	0123456789
11	17153019	Nguyễn Hoàng	DH17CD			7,5	6,0	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
12	17138008	Nguyễn Hữu	DH17TD			9,0	7,5	10	9,3	0012345678910	0123456789
13	16138017	Vì Văn	DH16TD			7,0	6,5	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
14	17138014	Ngô Quốc	DH17TD			5,0	7,5	6,0	6,1	0012345678910	0123456789
15	15153015	Lê Cảnh Trường	DH15CD			0,0	6,0	2,0	2,4	0012345678910	0123456789
16	17153025	Trần Sơn	DH17CD			5,0	6,0	6,0	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00749

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17TD_01

Tổ Thi 001_DH17TD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 20/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD301 60%

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153026	Nguyễn Trường Hận	DH17CD			6,5	10	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
18	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD			9,5	10	10	9,9	0012345678910	0123456789
19	17138016	Hồ Hiền	DH17TD			6,0	6,0	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
20	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD			5,0	0,0	2,0	2,2	0012345678910	0123456789
21	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD			7,0	6,0	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
22	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD			9,0	6,0	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
-23	16138039	Phạm Văn Hùng	DH16TD							0012345678910	0123456789
24	17138024	Phạm Ngọc Khải	DH17TD			8,0	7,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
25	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD			9,0	10	10	9,8	0012345678910	0123456789
26	17153038	Nguyễn Tiến Khoa	DH17CD			6,0	7,5	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
-27	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD							0012345678910	0123456789
28	17138028	Nguyễn Vũ Minh Khôi	DH17TD			6,5	7,0	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
29	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD			7,5	8,5	9,5	8,9	0012345678910	0123456789
30	15153030	Hoàng Văn Kỳ	DH15CD			3,0	7,0	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
31	17153040	Đặng Ngọc Lâm	DH17CD			7,5	9,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
-32	14153024	Ngô Tường Lâm	DH14CD							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00749

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17TD_01

Tổ Thi 001_DH17TD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 20/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD301 60%

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD	<i>lin</i>		6,0	6,0	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
34	17138030	Phan Nguyễn Hoàng Long	DH17TD	<i>long</i>		7,0	6,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
35	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD							0012345678910	0123456789
36	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD	<i>N</i>		7,5	6,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
37	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD	<i>P</i>		7,0	7,5	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
38	15153046	Phạm Huỳnh Pháp	DH15CD	<i>ph</i>		7,0	7,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
39	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD	<i>ph</i>		7,5	10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
40	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD	<i>ph</i>		6,5	6,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
41	16138067	Trần Văn Phương	DH16TD	<i>ph</i>		7,0	7,0	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
42	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD	<i>qu</i>		4,0	6,0	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
43	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD	<i>s</i>		8,0	7,5	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
44	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD	<i>ta</i>		8,0	9,0	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
45	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD	<i>at</i>		6,5	6,0	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
46	16153080	Phạm Đình Thái	DH16CD	<i>th</i>		7,5	7,0	2,0	4,1	0012345678910	0123456789
47	17138048	Đỗ Lý Việt Thắng	DH17TD	<i>th</i>		8,0	7,5	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
48	15138065	Nguyễn Tấn Thịnh	DH15TD	<i>th</i>		6,0	7,0	7,0	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00749

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17TD_01

Tổ Thi 001_DH17TD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 20/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD30160%

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17153068	Phan Anh	Thơ	DH17CD		6,5	7,5	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
50	17138051	Lưu Thị Ánh	Thu	DH17TD		7,5	7,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
51	17138052	Phạm Hoài	Thu	DH17TD		6,5	6,0	5,0	5,5	0012345678910	0123456789
52	17138053	Lê Hữu	Thuận	DH17TD		7,0	6,0	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
53	17138055	Huỳnh Quang	Tiến	DH17TD		9,0	10	10	9,8	0012345678910	0123456789
54	13153229	Lê Quyết	Tiến	DH13CD						0012345678910	0123456789
55	17153073	Nguyễn Minh	Toàn	DH17CD		5,0	8,0	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
56	15153068	Nguyễn Huy	Toàn	DH15CD		6,0	7,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
57	17153074	Phan Nguyễn Trung	Toàn	DH17CD		8,0	6,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
58	17153075	Lê Quốc	Trạng	DH17CD		6,5	8,5	10	9,0	0012345678910	0123456789
59	17138057	Đào Bá Khánh	Trình	DH17TD		8,5	7,0	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
60	15153070	Lê Bá	Trọng	DH15CD						0012345678910	0123456789
61	17138059	Nguyễn Chí	Trung	DH17TD		5,0	6,0	2,5	3,7	0012345678910	0123456789
62	17138060	Trương Tuấn	Tú	DH17TD		7,5	6,0	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
63	17153078	Lê Văn	Tuấn	DH17CD		8,0	10	10	9,6	0012345678910	0123456789
64	16138093	Trần Quốc	Việt	DH16TD		8,0	6,0	9,5	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00749

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17TD_01

Tổ Thi 001_DH17TD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 20/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD301/60%

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17153079	Võ Quốc Việt	DH17CD			7,0	7,5	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
66	15153076	Nguyễn Thanh Vũ	DH15CD			8,0	8,0	5,5	5,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 60 Số sinh viên vắng 60

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

C. Đức Lợi

Phạm Minh Hiền

Trưởng Bộ môn/Khoa

Lê Quang Hiền

Nguyễn Ngọc Tuấn

Kế v. Thic

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00750

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật ĐKTD quá trình(207527)**

Số Tín Ch **3**

Nhóm Thi **DH16TD_10**

Tổ Thi

001_DH16TD_10

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi **17/08/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD203/100%

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138004	Lê Kim Bằng	DH16TD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
2	16138013	Nguyễn Tấn Danh	DH16TD					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
3	16138025	Trần Phúc Dũng	DH16TD					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
4	16138017	Vì Văn Đạt	DH16TD					4.0	4.0	0012345678910	0123456789
5	16138019	Lê Trương Công Định	DH16TD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
6	16138021	Nguyễn Chí Đức	DH16TD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
7	16138027	Lê Hoàng Giang	DH16TD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
8	15138025	Bùi Trọng Hiếu	DH15TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
9	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD					2.0	2.0	0012345678910	0123456789
10	14138011	Nguyễn Chánh Hoàng	DH14TD					2.5	2.5	0012345678910	0123456789
11	13138005	Đậu Việt Hùng	DH13TD							0012345678910	0123456789
12	16138043	Trần Đức Huy	DH17TD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
13	15138031	Nguyễn Mạnh Khải	DH15TD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
14	16138048	K'Pà Krim	DH16TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
15	15138042	Vũ Văn Minh	DH15TD					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
16	16138058	Phạm Đăng Hoài	DH16TD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00750

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật ĐKTĐ quá trình(207527)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16TD_10**

Tổ Thi

001_DH16TD_10

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi **17/08/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16138062	Nguyễn Đình Trục	Nhân	DH16TD				4.0	4.0	0012345678910	0123456789
18	15138047	Phạm Thị Đức	Nhơn	DH15TD				6.5	6.5	0012345678910	0123456789
19	17138036	Huỳnh Kim	Ninh	DH17TD				5.0	5.0	0012345678910	0123456789
20	16138067	Trần Văn	Phương	DH16TD				5.0	5.0	0012345678910	0123456789
21	16138069	Nguyễn Minh	Quang	DH16TD				6.5	6.5	0012345678910	0123456789
22	15138053	Vũ Tiến	Sang	DH15TD				9.5	9.5	0012345678910	0123456789
23	15138054	Trang Minh	Sáng	DH15TD				3.0	3.0	0012345678910	0123456789
24	17138046	Trần Trung	Tâm	DH17TD				5.5	5.5	0012345678910	0123456789
25	16138077	Đỗ Hữu	Thành	DH16TD				6.0	6.0	0012345678910	0123456789
26	16138079	Lê	Thế	DH16TD				5.5	5.5	0012345678910	0123456789
27	15138065	Nguyễn Tấn	Thịnh	DH15TD				7.0	7.0	0012345678910	0123456789
28	16138093	Trần Quốc	Việt	DH16TD				5.5	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00750

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật ĐKTĐ quá trình(207527)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH16TD_10** Tổ Thi **001_DH16TD_10** Tên CBGD **Lê Quang Hiền**
Ngày Thi **17/08/2020** Giờ Thi **09:45** Phòng Thi **HD203**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 27 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

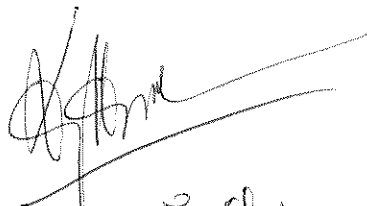
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Lê Quang Hiền


Nguyễn Đăng Khoa


Trương Công Tiến


Lê Quang Hiền


Nguyễn Văn Ngọc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207528) - 10

CBGD: ()

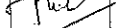
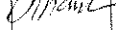
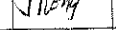
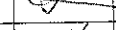
STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138003	Nguyễn Tiểu Bang	DH16TD	Bang					7.9	○○○12345678910	○○123456789
2	16138007	Huỳnh Thái Bảo	DH16TD	Bao					9.2	○○○12345678910	○○123456789
3	16138008	Nguyễn Hoàng Bửu	DH16TD	Bu					8.2	○○○12345678910	○○123456789
4	16138010	Nguyễn Minh Cường	DH16TD	Cu					8.5	○○○12345678910	○○123456789
5	16138011	Nguyễn Quang Cường	DH16TD	Cu					6.2	○○○12345678910	○○123456789
6	16138023	Nguyễn Minh Dũng	DH16TD	Du					9.2	○○○12345678910	○○123456789
7	16138024	Nguyễn Thanh Dũng	DH16TD	Du					8.2	○○○12345678910	○○123456789
8	16138016	Nguyễn Gia Đạt	DH16TD	Da					7.5	○○○12345678910	○○123456789
9	16138026	Lại Hoàng Giang	DH16TD	Ga					8.7	○○○12345678910	○○123456789
10	16138029	Lê Nhựt Hào	DH16TD	Ha					7.5	○○○12345678910	○○123456789
11	16138030	Nguyễn Văn Hào	DH16TD	Ha					8.6	○○○12345678910	○○123456789
12	16138031	Nguyễn Thị Tú Hào	DH16TD	Ha					7.8	○○○12345678910	○○123456789
13	16138033	Ngô Đăng Hiệp	DH16TD	Hiep					8.4	○○○12345678910	○○123456789
14	16138039	Phạm Văn Hùng	DH16TD	Hu	✓	✓	✓	✓	✓	●○○12345678910	○○123456789
15	16138051	Dương Thị Mỹ Linh	DH16TD	Ly					8.2	○○○12345678910	○○123456789
16	16138056	Nguyễn Mai	DH16TD	Ma					8.2	○○○12345678910	○○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207528) - 10

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	16138059	Võ Hoàng Nam	DH16TD						7.7	○012345678910	0123456789
18	16138060	Phạm Hoài Nghi	DH16TD						8.4	○012345678910	0123456789
19	16138071	Trần Phước Sang	DH16TD						8.9	○012345678910	0123456789
20	16138073	Nguyễn Ngọc Tâm	DH16TD						8.7	○012345678910	0123456789
21	16138076	Trần Đình Thanh	DH16TD						8.7	○012345678910	0123456789
22	16138075	Nguyễn Sơn Thắng	DH16TD						8.3	○012345678910	0123456789
23	16138081	Đặng Anh Thông	DH16TD						7.7	○012345678910	0123456789
24	16138083	Trần Nguyễn Quốc Tiến	DH16TD						7.4	○012345678910	0123456789
25	16118162	Ngô Khắc Triệu	DH16TD						8.9	○012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 1
Cán bộ coi thi 1

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

hal
a 1/2 No. 100

Phụ
Lê Quang Hùng

Trương Quý Hiên

ZWK
Trading Company

Ng

Ng Vo Ngoc Tran



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

Môn học - Nhóm: Kiến tập (207537) - 01

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
2	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
3	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
4	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
5	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
6	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
7	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
8	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
9	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
10	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
11	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
12	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
13	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
14	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
15	18138016	Nguyễn Long Ngọc Đình	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
16	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Kiến tập (207537) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
18	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
19	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
20	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
21	18138030	Trần Lê Huân	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
22	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
23	18138036	Phan Trần Hoàng	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
24	18138037	Trần Trọng Huy	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
25	18138032	Chung Hiệp Hưng	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
26	18138033	Nguyễn Thế Hưng	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
27	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
28	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
29	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
30	18138044	Đinh Trọng Khôi	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
31	18138046	Phạm Văn Tiêu Kỳ	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
32	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Kiến tập (207537) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
34	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
35	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
36	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
37	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
38	18138054	Số Tấn Lũy	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
39	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
40	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
41	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
42	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
43	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
44	18138062	Trần Phát	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
45	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
46	18138064	Mai Bùi Hồng Phúc	DH18TD							0012345678910	0123456789
47	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
48	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

Môn học - Nhóm: Kiến tập (207537) - 01

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD	<i>Phuong</i>				9,0	9,0	0012345678910	0123456789
50	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD	<i>Quang</i>				9,0	9,0	0012345678910	0123456789
51	18138072	Lê Tấn Quý	DH18TD	<i>Qu</i>				9,0	9,0	0012345678910	0123456789
52	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD	<i>Sam</i>				8,5	8,5	0012345678910	0123456789
53	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD	<i>Son</i>				8,0	8,0	0012345678910	0123456789
54	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD	<i>Tai</i>				9,0	9,0	0012345678910	0123456789
55	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD	<i>Tai</i>				9,0	9,0	0012345678910	0123456789
56	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD	<i>Tam</i>				9,0	9,0	0012345678910	0123456789
57	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD	<i>Tan</i>				8,5	8,5	0012345678910	0123456789
58	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD	<i>Thien</i>				9,0	9,0	0012345678910	0123456789
59	18138083	Nguyễn Đức Thịnh	DH18TD	<i>Thi</i>				9,0	9,0	0012345678910	0123456789
60	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD	<i>Tho</i>				9,0	9,0	0012345678910	0123456789
61	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD	<i>Thu</i>				9,0	9,0	0012345678910	0123456789
62	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD	<i>Thuan</i>				9,0	9,0	0012345678910	0123456789
63	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD	<i>Thuan</i>				9,0	9,0	0012345678910	0123456789
64	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD	<i>Thuan</i>				9,0	9,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00547



Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

Môn học - Nhóm: Kiến tập (207537) - 01

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
65	18138090	Nguyễn Cao Thy	DH18TD							0012345678910	0123456789
66	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD	Trung				8,0	8,0	0012345678910	0123456789
67	18138096	Hồ Duy Thiện	DH18TD	Thien				9,0	9,0	0012345678910	0123456789
68	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD	Truong				8,5	8,5	0012345678910	0123456789
69	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD	Tuan				9,0	9,0	0012345678910	0123456789
70	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD	Tuan				9,0	9,0	0012345678910	0123456789
71	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD	Vinh				8,5	8,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 02

Hiện diện: 69

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Trương Công Hiền

Cán bộ chấm thi 1

Lê Quang Hiền

Cán bộ chấm thi 2

Ngô Văn Ngọc Thảo



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 01

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD		1	8	6.5	1	2.8	0012345678910	0123456789
2	18118007	Nguyễn Văn Quốc Bảo	DH18CK		2	6	7	1	2.7	0012345678910	0123456789
3	18137003	Bùi Hữu Bình	DH18NL							0012345678910	0123456789
4	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD		1	8	4	7	6.5	0012345678910	0123456789
5	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL		1	8	5	4	4.6	0012345678910	0123456789
6	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK		1	10	5	6	6.2	0012345678910	0123456789
7	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT		02	10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
8	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC							0012345678910	0123456789
9	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD		1	8	7.5	8	7.9	0012345678910	0123456789
10	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL		2	10	5	1	2.7	0012345678910	0123456789
11	16138027	Lê Hoàng Giang	DH16TD		1	6	6.5	8.5	7.9	0012345678910	0123456789
12	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD		2	10	5.5	7	7.0	0012345678910	0123456789
13	16138031	Nguyễn Thị Tú Hào	DH16TD		1	8	5.5	6	6.1	0012345678910	0123456789
14	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD		2	6	6	2	3.2	0012345678910	0123456789
15	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD		1	10	4.5	6.5	6.5	0012345678910	0123456789
16	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK		1	8	7.5	1.5	3.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00550

Trang 2/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	14153024	Ngô Trường Lâm	DH14CD							0012345678910	0123456789
18	18137026	HuỳnhĐa Lộc	DH18NL	Lộc	2	10	3	1	2.3	0012345678910	0123456789
19	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK		2	10	7.5	15	3.6	0012345678910	0123456789
20	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD		1	8	7	8.5	8.2	0012345678910	0123456789
21	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD		2	8	6	9	8.3	0012345678910	0123456789
22	17154069	Lê Văn Tấn Phát	DH17OT		1	10	5.5	7	7.0	0012345678910	0123456789
23	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL	Phong	3	10	4	11	4.6	0012345678910	0123456789
24	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK	Phong	1	10	6.5	4	5.1	0012345678910	0123456789
25	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD		2	10	5.5	8	7.7	0012345678910	0123456789
26	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK	Quân	2	10	5.5	8.5	8.1	0012345678910	0123456789
27	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK							0012345678910	0123456789
28	15138054	Trang Minh Sáng	DH15TD	Sang	1	10	4	7	6.7	0012345678910	0123456789
29	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD		2	10	4	9	8.1	0012345678910	0123456789
30	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD		2	10	4.5	7	6.8	0012345678910	0123456789
31	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL		2	10	4	2	3.2	0012345678910	0123456789
32	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD		1	10	5.5	8	7.7	0012345678910	0123456789

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 22/06/2020 11:21

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207622) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	16153004	Dư Tiến Công	DH16CD						8.5	○○○1234567●910	○1234●6789
2	16153016	Đặng Quốc Duy	DH16CD						8.5	○○○1234567●910	○1234●6789
3	16153017	Đoàn Văn Duy	DH16CD						8.3	○○○1234567●910	○12●456789
4	16153014	Lê Văn Dự	DH16CD						9.1	○○○12345678●10	○●123456789
5	16153026	Cao Đình Hiếu	DH16CD						8.3	○○○1234567●910	○12●456789
6	16153039	Đặng Huỳnh	DH16CD						8.2	○○○1234567●910	○1●23456789
7	16153041	Phạm Quốc Khải	DH16CD						8.5	○○○1234567●910	○1234●6789
8	16153048	Huỳnh Phúc Linh	DH16CD						8.5	○○○1234567●910	○1234●6789
9	16153052	Nguyễn Thanh Luận	DH16CD						8.2	○○○1234567●910	○1●23456789
10	16153060	Lê Nguyên Ngọc	DH16CD						9.1	○○○12345678●10	○●123456789
11	16153063	Nguyễn Hoài Phong	DH16CD						8.9	○○○1234567●910	○12345678●
12	16153068	Lê Quốc Qui	DH16CD						9.2	○○○12345678●10	○1●23456789
13	16153072	Đỗ Tam Tài	DH16CD						8.5	○○○1234567●910	○1234●6789
14	16153080	Phạm Đình Thái	DH16CD						8.0	○○○1234567●910	●123456789
15	16153083	Võ Trí Thanh	DH16CD						9.1	○○○12345678●10	○●123456789
16	16153085	Huỳnh Công Thành	DH16CD						8.3	○○○1234567●910	○12●456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207622) - 01

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	16153081	Lê Văn Thắng	DH16CD						7.6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	16153091	Phạm Thị Cát Tiên	DH16CD						8.9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	16153096	Huỳnh Văn Trọng	DH16CD						9.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	16153104	Trần Xuân Viễn	DH16CD						8.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	16153109	Lê Văn Vũ	DH16CD						8.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	16153110	Nguyễn Đình Tuấn	DH16CD						9.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ths Nguyễn Tấn Phúc

W2

TS. Vantien's

Cán bộ chấm thi 1



ThS Nguyễn Tân Phúc

148

Ph. Hiệp Đạt

Nguyễn Anh Khoa



Mã nhận dạng 00764

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi

001_DH17CD_01

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	DH17CD			10	6	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
2	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD			10	5.5	6	6.3	0012345678910	0123456789
3	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD			10	8.5	2	4.1	0012345678910	0123456789
4	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD			5	7	5	5.4	0012345678910	0123456789
5	17153010	Vương Quốc Viết Chí	DH17CD			8	5.5	6	6.1	0012345678910	0123456789
6	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD			8	5.5	6.5	6.5	0012345678910	0123456789
7	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD			10	6	5	5.7	0012345678910	0123456789
8	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD			10	5.5	4.5	5.3	0012345678910	0123456789
9	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD			10	5	4	4.8	0012345678910	0123456789
10	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD			8	5.5	5	5.4	0012345678910	0123456789
11	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD			10	5	2	3.0	0012345678910	0123456789
12	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD			10	5.5	5.5	6.0	0012345678910	0123456789
13	15138012	Nguyễn Hữu Đạt	DH15TD						Vàng	0012345678910	0123456789
14	17153013	Hà Công Định	DH17CD			10	5.5	4	4.9	0012345678910	0123456789
15	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD			10	7	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
16	15153015	Lê Cảnh Trường Giang	DH15CD					1	0.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00764

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi 001_DH17CD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

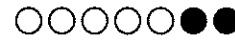
Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD			10	5.5	4	4.9	0012345678910	0123456789
18	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD			6	5	4	4.1	0012345678910	0123456789
19	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD			10	7	4.5	5.6	0012345678910	0123456789
20	17153026	Nguyễn Trường Hân	DH17CD			10	7	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
21	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD			10	6	3	4.3	0012345678910	0123456789
22	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD						Vàng	0012345678910	0123456789
23	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD			8	7	6	6.4	0012345678910	0123456789
24	17153030	Bùi Văn Hoàng	DH17CD			8	5.5	3	4.0	0012345678910	0123456789
25	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD			8	5	4.5	5.0	0012345678910	0123456789
26	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD			8	5	5.5	5.7	0012345678910	0123456789
27	17138024	Phạm Ngọc Khải	DH17TD			10	5.5	5.5	6.0	0012345678910	0123456789
28	17153035	Dương Quốc Khánh	DH17CD			10	5.5	6	6.3	0012345678910	0123456789
29	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD			10	7	8	8.0	0012345678910	0123456789
30	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD			10	5.5	6	6.3	0012345678910	0123456789
31	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
32	17138029	Nguyễn Văn Linh	DH17TD			10	5.5	7	7.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00764

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi

001_DH17CD_01

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD			10	7	3	4.5	0012345678910	0123456789
34	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD			10	6	1.5	3.3	0012345678910	0123456789
35	14153032	Nguyễn Thanh Nam	DH14CD			10	5	5.5	5.9	0012345678910	0123456789
36	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD			10	5.5	4.5	5.3	0012345678910	0123456789
37	17153048	Lê Khánh Nguyên	DH17CD			10	5.5	6.5	6.7	0012345678910	0123456789
38	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD			10	5	3	4.1	0012345678910	0123456789
39	14153038	Lưu Thế Nhân	DH14CD			6	6	4.5	5.0	0012345678910	0123456789
40	16138062	Nguyễn Đình Trục	DH16TD			6	5.5	5	5.2	0012345678910	0123456789
41	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD			10	8	4.5	5.8	0012345678910	0123456789
42	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD			10	6	6.5	6.8	0012345678910	0123456789
43	18138064	Mai Bùi Hồng Phúc	DH18TD						Vắng	0012345678910	0123456789
44	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD			10	5	5	5.5	0012345678910	0123456789
45	15138051	Trần Minh Quang	DH15TD			5	7	3.5	4.4	0012345678910	0123456789
46	15138054	Trang Minh Sáng	DH15TD			10	6	4.5	5.4	0012345678910	0123456789
47	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD			10	8	4.5	5.8	0012345678910	0123456789
48	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD			10	5	5	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00764

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi 001_DH17CD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD			10	5	5	5.5	0012345678910	0123456789
50	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD			10	5	7	6.9	0012345678910	0123456789
51	16138076	Trần Đình Thanh	DH16TD			8	5.5	5.5	5.8	0012345678910	0123456789
52	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD			10	5	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
53	16138077	Đỗ Hữu Thành	DH16TD			10	5	5.5	5.9	0012345678910	0123456789
54	16138079	Lê Thế	DH16TD			8	5.5	5.5	5.8	0012345678910	0123456789
55	14153050	Nguyễn Phú Thịnh	DH14CD			10	5	5.5	5.9	0012345678910	0123456789
56	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD			10	5	4.5	5.0	0012345678910	0123456789
57	17138054	Nguyễn Ngọc Minh Thuận	DH17TD			10	5.5	6.5	6.7	0012345678910	0123456789
58	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD			10	8	6.5	7.2	0012345678910	0123456789
59	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD			10	8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
60	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD			8	5	5	5.3	0012345678910	0123456789
61	17153072	Nguyễn Hoàng Toán	DH17CD			10	8.5	7	7.6	0012345678910	0123456789
62	17153076	Phạm Ngọc Triệu	DH17CD			10	5	6.5	6.6	0012345678910	0123456789
63	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD			10	5	5.5	5.9	0012345678910	0123456789
64	17153078	Lê Văn Tuấn	DH17CD			10	7	9	8.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00764

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi

001_DH17CD_01

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	16153107	Lâm Văn Vinh	DH16CD			8	5.5	3.5	4.4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng
Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng
Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Đăng Khoa

NT Phú

Nguyễn Văn Công Chính

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00551

Trang 1/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án môn học chuyên ngành 1 (207634) - 01

CBGD: Nguyễn Ánh (Choi) (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
2	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
3	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD						9	0012345678910	0123456789
4	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
5	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
6	17153010	Vương Quốc Việt Chí	DH17CD						9	0012345678910	0123456789
7	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
8	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
9	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
10	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
11	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
12	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
13	17153013	Hà Công Định	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
14	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
15	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
16	17153025	Trần Sơn Hải	DH17CD						8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00551

Trang 2/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án môn học chuyên ngành 1 (207634) - 01

CBGD: Nguyễn Hoàng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD						8,5	0012345678910	0123456789
18	17153026	Nguyễn Trường Hận	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
19	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
20	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD						8,5	0012345678910	0123456789
21	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD						9	0012345678910	0123456789
22	17153030	Bùi Văn Hoàng	DH17CD						8,5	0012345678910	0123456789
23	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
24	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD						8,5	0012345678910	0123456789
25	17153034	Lê Văn Khanh	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
26	17153035	Dương Quốc Khánh	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
27	17153037	Ngô Tín Khoa	DH17CD						8,5	0012345678910	0123456789
28	17153038	Nguyễn Tiến Khoa	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
29	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD						9	0012345678910	0123456789
30	17153040	Đặng Ngọc Lâm	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
31	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
32	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD						8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00551

Trang 3/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án môn học chuyên ngành 1 (207634) - 01

CBGD Nguyễn Anna Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
34	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
35	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
36	17153048	Lê Khánh Nguyên	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
37	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
38	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
39	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
40	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
41	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
42	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
43	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD						9.5	0012345678910	0123456789
44	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
45	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
46	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
47	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
48	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD						8	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án môn học chuyên ngành 1 (207634) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (838)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD						8.5	○○○12345678910	○○123456789
50	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD						8.5	○○○12345678910	○○123456789
51	17153075	Lê Quốc Trạng	DH17CD						8.5	○○○12345678910	○○123456789
52	17153076	Phạm Ngọc Triệu	DH17CD						8.5	○○○12345678910	○○123456789
53	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD						8	○○○12345678910	○○123456789
54	17153078	Lê Văn Tuấn	DH17CD						8	○○○12345678910	○○123456789
55	17153079	Võ Quốc Việt	DH17CD						8	○○○12345678910	○○123456789
56	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD						8.5	○○○12345678910	○○123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Đăng Khoa

Nguyễn Văn Công

Nguyễn Đăng Khoa



Mã nhận dạng 00767

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cấu tạo truyền động Ôtô(207704)**

Số Tín Ch **3**

Nhóm Thi **DH17OT_01**

Tổ Thi

001_DH17OT_01

Tên CBGD

Lê Quang Trí

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154002	Lê Bảo Anh	DH17OT			10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
2	17154003	Lê Đức Anh	DH17OT			10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
3	17154004	Nguyễn Ngọc Đoàn	DH17OT			10	10	8,0	9,0	0012345678910	0123456789
4	17154005	Nguyễn Hoài Bảo	DH17OT			10	8,0	7,5	8,2	0012345678910	0123456789
5	17154006	Nguyễn Lê Quỳnh	DH17OT			10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
6	17154007	Nguyễn Tấn Chí	DH17OT			10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789
7	17154009	Nguyễn Thành Công	DH17OT			10	10	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
8	17154010	Vũ Trọng Nguyên	DH17OT			9,0	10	9,0	9,3	0012345678910	0123456789
9	17154022	Đinh Nguyễn Đình	DH17OT			10	10	7,0	8,5	0012345678910	0123456789
10	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT			10	10	8,5	9,3	0012345678910	0123456789
11	17154011	Đặng Thành Đạt	DH17OT			10	10	10	10	0012345678910	0123456789
12	17154012	Nguyễn Quân	DH17OT			10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
13	17154013	Phạm Thành Đạt	DH17OT			10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
14	17154014	Trần Văn Đạt	DH17OT			10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
15	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT			10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789
16	17154016	Nguyễn Khoa Điền	DH17OT			10	10	7,5	8,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00767

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cấu tạo truyền động Ôtô(207704)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_01**

Tổ Thi **001_DH17OT_01**

Tên CBGD **Lê Quang Trí**

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD201**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154017	Nguyễn Thành	Đô	DH17OT		10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
18	17154019	Nguyễn Hữu	Đức	DH17OT		10	10	6,5	8,3	0012345678910	0123456789
19	17154021	Trần Minh	Đức	DH17OT		10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
20	17154023	Nguyễn Hoàng Trường	Giang	DH17OT		10	8,0	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
21	17154024	Phạm Văn	Giàu	DH17OT		10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789
22	17154025	Hồ Việt	Hải	DH17OT		10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
23	17154026	Tiết Huỳnh Ngọc	Hải	DH17OT		10	8,0	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
24	17154027	Lê Hồng	Hiếu	DH17OT		10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
25	17154029	Phan Thanh	Hiếu	DH17OT		10	8,0	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
26	17154030	Lê Quang	Hoan	DH17OT		10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789
27	17154032	Lê Huy	Hoàng	DH17OT		10	9,0	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
28	17154033	Ngô Minh	Hoàng	DH17OT		10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
29	17154034	Nguyễn Tấn	Hùng	DH17OT		10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789
30	17154035	Nguyễn Thanh	Hùng	DH17OT		10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789
31	17154036	Hà Quang	Huy	DH17OT		10	10	8,5	9,3	0012345678910	0123456789
32	17154038	Lê Tuấn	Khang	DH17OT		10	8,0	9,5	9,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00767

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cấu tạo truyền động Ôtô(207704)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_01**

Tổ Thi

001_DH17OT_01

Tên CBGD

Lê Quang Trí

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154039	Phạm Hoàng Khang	DH17OT			10	10	8,5	9,3	0012345678910	0123456789
34	17154040	Phạm Văn Khang	DH17OT			10	7,3	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
35	17154041	Nguyễn Duy Khánh	DH17OT			10	10	6,0	8,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Lê Quang Trí

Bùi Công Hoàn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Lê Quang Trí

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00768

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cấu tạo truyền động Ôtô(207704)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_01**

Tổ Thi

002_DH17OT_01

Tên CBGD

Lê Quang Trí

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154042	Nguyễn Quốc Khánh	DH17OT			10	10	7,0	8,5	0012345678910	0123456789
2	17154043	Nguyễn Văn Khánh	DH17OT			10	10	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
3	17154044	Trần Anh Khoa	DH17OT			10	10	8,5	9,3	0012345678910	0123456789
4	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT			10	8,0	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
5	17154045	Trần Đăng Khoa	DH17OT			10	10	8,5	9,3	0012345678910	0123456789
6	17154047	Phạm Tấn Kiệt	DH17OT			10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789
7	17154051	Chiêm Phước Lộc	DH17OT			10	10	10	10	0012345678910	0123456789
8	17154053	Phan Tấn Lộc	DH17OT			10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789
9	17154056	Nguyễn Văn Mạnh	DH17OT			10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789
10	17154057	Trần Văn Hoài Nam	DH17OT			10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
11	17154058	Phạm Sĩ Nguyên	DH17OT			10	8,0	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
12	17154060	Nguyễn Thị Thanh Nhã	DH17OT			5,0	8,6	9,5	8,2	0012345678910	0123456789
13	17154061	Phan Thị Hoài Nhã	DH17OT			5,0	10	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
14	17154062	Hồ Tấn Nhân	DH17OT			10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789
15	17154063	Lê Hoài Nhân	DH17OT			10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789
16	17154064	Nguyễn Thành Nhân	DH17OT			10	7,6	9,5	9,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00768

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cấu tạo truyền động Ôtô(207704)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_01**

Tổ Thi

002_DH17OT_01

Tên CBGD

Lê Quang Trí

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154067	Nguyễn Văn	Nhật	DH17OT	<i>Nhật</i>		5,0	8,0	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
18	17154069	Lê Văn Tấn	Phát	DH17OT	<i>Phát</i>		10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789
19	17154070	Nguyễn Thanh	Phong	DH17OT	<i>Phong</i>		10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
20	17154071	Trần Huỳnh	Phúc	DH17OT	<i>Phúc</i>		10	10	7,5	8,8	0012345678910	0123456789
21	17154073	Đặng Hữu	Phước	DH17OT	<i>Phước</i>		10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
22	17154075	Cao Việt	Quang	DH17OT	<i>Việt</i>		5,0	10	9,0	8,5	0012345678910	0123456789
23	17154074	Đỗ Trung	Quân	DH17OT	<i>Quân</i>		10	8,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
24	17154078	Lê Thanh	Son	DH17OT	<i>Son</i>		10	10	8,5	9,3	0012345678910	0123456789
25	17154079	Nguyễn Hồng	Son	DH17OT	<i>Son</i>		10	10	8,0	9,0	0012345678910	0123456789
26	17154080	Nguyễn Văn	Son	DH17OT	<i>Son</i>		10	10	7,5	8,8	0012345678910	0123456789
27	17154082	Võ Hoàng	Son	DH17OT	<i>Son</i>		5,0	7,8	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
28	17154083	Châu Phước	Tài	DH17OT	<i>Phước</i>		10	8,0	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
29	17113179	Trịnh Xuân	Tâm	DH17OT	<i>Tâm</i>		10	10	8,0	9,0	0012345678910	0123456789
30	17154086	Lê Minh	Tấn	DH17OT	<i>Minh</i>		10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
31	17154088	Võ Văn	Thạch	DH17OT	<i>Thạch</i>		5,0	10	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
32	17154092	Dương Hữu	Thành	DH17OT	<i>Thành</i>		10	10	8,5	9,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00768

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cấu tạo truyền động Ôtô(207704)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_01**

Tổ Thi **002_DH17OT_01**

Tên CBGD **Lê Quang Trí**

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154916	Tất Vinh	Thành	DH17OT		10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
34	17154094	Huỳnh Phước	Thanh	DH17OT		10	10	8,5	9,3	0012345678910	0123456789
35	16154086	Bùi Xuân	Thắng	DH16OT		5,0	10	4,0	6,0	0012345678910	0123456789
36	17154090	Nguyễn Đình	Thắng	DH17OT		10	10	2,5	6,3	0012345678910	0123456789
37	17154091	Phạm Bá	Thắng	DH17OT		5,0	8,0	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
38	17154096	Nguyễn Tấn	Thọ	DH17OT		10	8,0	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
39	17154097	Nguyễn Văn	Thông	DH17OT		10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789
40	17154098	Trần Đình	Thông	DH17OT		10	7,9	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
41	17154100	Nguyễn Phước	Thuận	DH17OT		10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789
42	17154102	Lê Cao Quốc	Tiến	DH17OT		10	8,0	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
43	17154103	Nguyễn Quang	Tiến	DH17OT		5,0	10	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
44	17154104	Nguyễn Võ Minh	Tiến	DH17OT		10	10	8,5	9,3	0012345678910	0123456789
45	17154105	Nguyễn Trung	Tin	DH17OT		10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
46	17154107	Nguyễn Văn	Toàn	DH17OT		10	10	8,5	9,3	0012345678910	0123456789
47	17154108	Trần Văn	Trà	DH17OT		10	8,0	9,0	8,8	0012345678910	0123456789
48	17154110	Lê Thị Thảo	Trinh	DH17OT		10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00768

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cấu tạo truyền động Ôtô(207704)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_01**

Tổ Thi **002_DH17OT_01**

Tên CBGD **Lê Quang Trí**

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17154112	Trần Nguyễn Xuân	Trường			10	10	8,0	9,0	0012345678910	0123456789
50	17154113	Võ Thương	Trường			8,0	10	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
51	17154116	Nguyễn Anh	Tuấn			10	10	8,5	9,3	0012345678910	0123456789
52	17154117	Phan Anh	Tuấn			10	10	9,0	9,5	0012345678910	0123456789
53	17154118	Lê Văn	Tùng			10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789
54	17154119	Nguyễn Minh	Viễn			10	10	8,5	9,3	0012345678910	0123456789
55	17154120	Nguyễn Thành	Vinh			10	8,0	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
56	17154122	Đặng Bá	Vũ			10	10	9,5	9,8	0012345678910	0123456789
57	17154123	Lý Hoàng	Vũ			10	7,0	9,0	8,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 57 Số sinh viên vắng 00

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 07/07/2020

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16154002	Lê Thành An	DH16OT						9,1	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	16154004	Trần Quốc An	DH16OT						9,4	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	16154007	Nguyễn Tuấn Anh	DH16OT						9,3	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18454001	Vi Đức Anh	LT18OT						6,8	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	16154009	Trương Lê Hoàng Bảo	DH16OT						9,3	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	16154011	Huỳnh Hữu Cường	DH16OT						9,3	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18454002	Đặng Văn Đạt	LT18OT						6,7	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	16154017	Trần Quang Đạt	DH16OT						9,2	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	16154025	Trương Hoàng Giang	DH16OT						9,4	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18454004	Trần Ngọc Hải	LT18OT						7,0	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	16154028	Trần Nhật Hào	DH16OT						9,2	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	16154030	Yến Quốc Hào	DH16OT						9,3	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	16154026	Nguyễn Thế Hân	DH16OT						8,5	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18454007	Huỳnh Ngọc Hiếu	LT18OT						7,4	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	16154037	Trương Đức Hiệu	DH16OT						8,7	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	16154046	Huỳnh Nhật Huy	DH16OT						8,6	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: 0

Trần Văn Lợi Lê Quang Tiến Nguyễn Trinh Nguyễn

Mã nhận dạng 00771

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi LT kết cấu & tính toán ô tô(207731)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16OT 10**

Tổ Thi 001_DH16OT_10

Tên CBGD Lê Quang Trí

Ngày Thi **17/08/2020**

Giờ Thi **07:30**Phòng Thi **HD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16154023	Lê Đại Dương	DH16OT		4		8,5	9,0	8,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	16154019	Cao Văn Đồng	DH16OT		1		8,0	9,0	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	16154021	Phạm Hồng Đức	DH16OT		1		7,0	9,0	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15154019	Võ Duy Hà	DH15OT		1		9,0	8,0	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	16154040	Nguyễn Kim Hoàng	DH16OT		1		7,0	9,0	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	16154044	Chu Phúc Huy	DH16OT		1		8,5	8,0	8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	16154049	Nông Đình Huy	DH16OT		1		10	9,0	9,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	16154050	Trần Quang Huy	DH16OT		1		9,0	7,0	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	16154051	Vũ Văn Huy	DH16OT		1		10	9,0	9,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	16154054	Nguyễn Trung Kiên	DH16OT		1		8,5	9,0	8,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	16154055	Y-Nững	Knul							○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15154038	Đặng Thanh Phong	DH15OT		1		8,0	9,0	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	16154089	Hồ Lê Quốc Thanh	DH16OT		1		8,0	8,0	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15154057	Lê Minh Thiện	DH15OT		1		7,5	9,0	8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	16154107	Trần Quang Tuấn	DH16OT		1		8,9	9,0	9,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 00771

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi LT kết cấu & tính toán ô tô(207731)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16OT_10

Tổ Thi

001_DH16OT_10

Tên CBGD

Lê Quang Trí

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Lê Quang Trí


Bùi Công Hoàn


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


Lê Quang Trí

Ngày in : 07/07/2020